

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM TÀI CHÍNH 2014

Địa chỉ : Phước Lâm, Ninh Xuân, Ninh Hòa, Khánh Hòa
Điện thoại : (058) 3620416
Fax : (058) 3620143
Website : www.nhs.com.vn
Email : duongninhhoa@nhs.com.vn

Tháng 10 năm 2014

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200636590 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 02/03/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 24/06/2014.
- Vốn điều lệ: 607.500.000.000 VND (*Sáu trăm lẻ bảy tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (*tại thời điểm 30/06/2014*): 607.500.000.000 đồng.
- Địa chỉ: thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa
- Số điện thoại: 058.3620416 Số Fax : 058.3620143
- Website: www.nhs.com.vn Email: duongninhhoa@nhs.com.vn
- Mã cổ phiếu: NHS

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Quá trình hình thành và phát triển

Thực hiện chủ trương cổ phần hóa của Nhà nước, Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa được chính thức thành lập trên cơ sở cổ phần hóa từ Nhà máy Đường Ninh Hòa theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4200636590 đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 03 năm 2006. Với tinh thần không ngừng nỗ lực phấn đấu, dưới sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, sự hỗ trợ của các ban, ngành, địa phương và các doanh nghiệp cùng ngành, Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa luôn duy trì được sản xuất ổn định, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho CBNV trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam gặp nhiều khó khăn do khủng hoảng kinh tế, tài chính toàn cầu.

Hiện tại, Công ty đã nâng công suất dây chuyền thiết bị lên 5.200 TMN và định hướng sẽ tiếp tục nâng công suất lên 6.000 TMN vào năm 2016, với sản lượng mía ép đạt 800.000 tấn mía/ năm. Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) từ ngày 02/07/2010, Vốn điều lệ hiện nay 607,5 tỷ đồng.

Các thành tích nổi bật các năm gần đây

- Ban chấp hành Liên đoàn Lao động Khánh Hòa tặng Bằng khen Công đoàn cơ sở có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh 09/QĐ-LĐ ngày 7/1/2014.
- Tổng cục trưởng Tổng Cục thuế tặng Giấy khen có thành tích chấp hành tốt chính sách thuế năm 2013 theo quyết định số 201/QĐ-TCT ngày 11/3/2014.
- Công ty được nằm trong bảng xếp hạng 500 Doanh nghiệp Tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR 500) năm 2013 do Công ty Cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam (VN Report JSC-VNR) thực hiện.
- Công ty được nằm trong Top 50 Công ty Kinh doanh Hiệu quả Nhất Việt Nam năm 2014 do Báo Nhịp cầu đầu tư bình chọn.

- Công ty được nằm trong Top 50 Báo cáo thường niên tốt nhất Việt Nam năm 2013 do Báo đầu tư bình chọn.
- Công ty được nằm trong Top 50 Công ty Niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2013 do Tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn.
- Công ty đã tham gia các chương trình xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, ngày vì người nghèo, bảo trợ trẻ em; hỗ trợ xây dựng 04 căn nhà tình nghĩa cho những gia đình có công cách mạng; CBNV Công ty tình nguyện trích 01 ngày lương ủng hộ các chiến sĩ đang bảo vệ biển đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Sản xuất đường từ mía và các sản phẩm phụ; Tổ chức thu mua mía cây, đầu tư và phát triển vùng nguyên liệu; Thi công xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng; Gia công chế tạo cơ khí; Mua bán vật tư nông nghiệp, mua bán phân bón; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Sản xuất phân bón; Kinh doanh dịch vụ kho bãi; Sản xuất và kinh doanh điện; Kinh doanh bất động sản.
- Sản phẩm kinh doanh chủ yếu của Công ty: đường kính trắng
- Nhóm sản phẩm: đường bao (bao 50kg), đường túi (túi 1kg).
- Ngoại hình: tinh thể màu trắng, kích thước tương đối đồng đều, toí, khô, không vón cục.
- Mùi vị: tinh thể đường hoặc dung dịch đường trong nước có vị ngọt, không có mùi lạ.
- Màu sắc: tinh thể màu trắng, khi pha vào nước cất cho dung dịch trong.
- Chỉ tiêu: độ Pol (OZ): không nhỏ hơn 99,70%. Hàm lượng đường khử, % khối lượng (m/m), không lớn hơn 0,07%, độ màu (ICUMSA): không lớn hơn 120

Sản phẩm được sử dụng trực tiếp làm thực phẩm hoặc sử dụng làm nguyên liệu cho một số ngành chế biến công nghiệp (bánh, kẹo, nước giải khát, v.v...)

Sản phẩm đường kính trắng của Công ty được sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng cơ sở đã đăng ký tại Sở y tế tỉnh Khánh Hòa, các chỉ tiêu chất lượng sản phẩm đăng ký đều đạt chỉ tiêu chất lượng theo TCVN 6959: 2001 đối với sản phẩm đường kính trắng.



3.2. Địa bàn kinh doanh: trên phạm vi cả nước

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị:

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty. Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành dựa trên sự thống nhất của các thành viên và được lưu trữ theo đúng quy định.

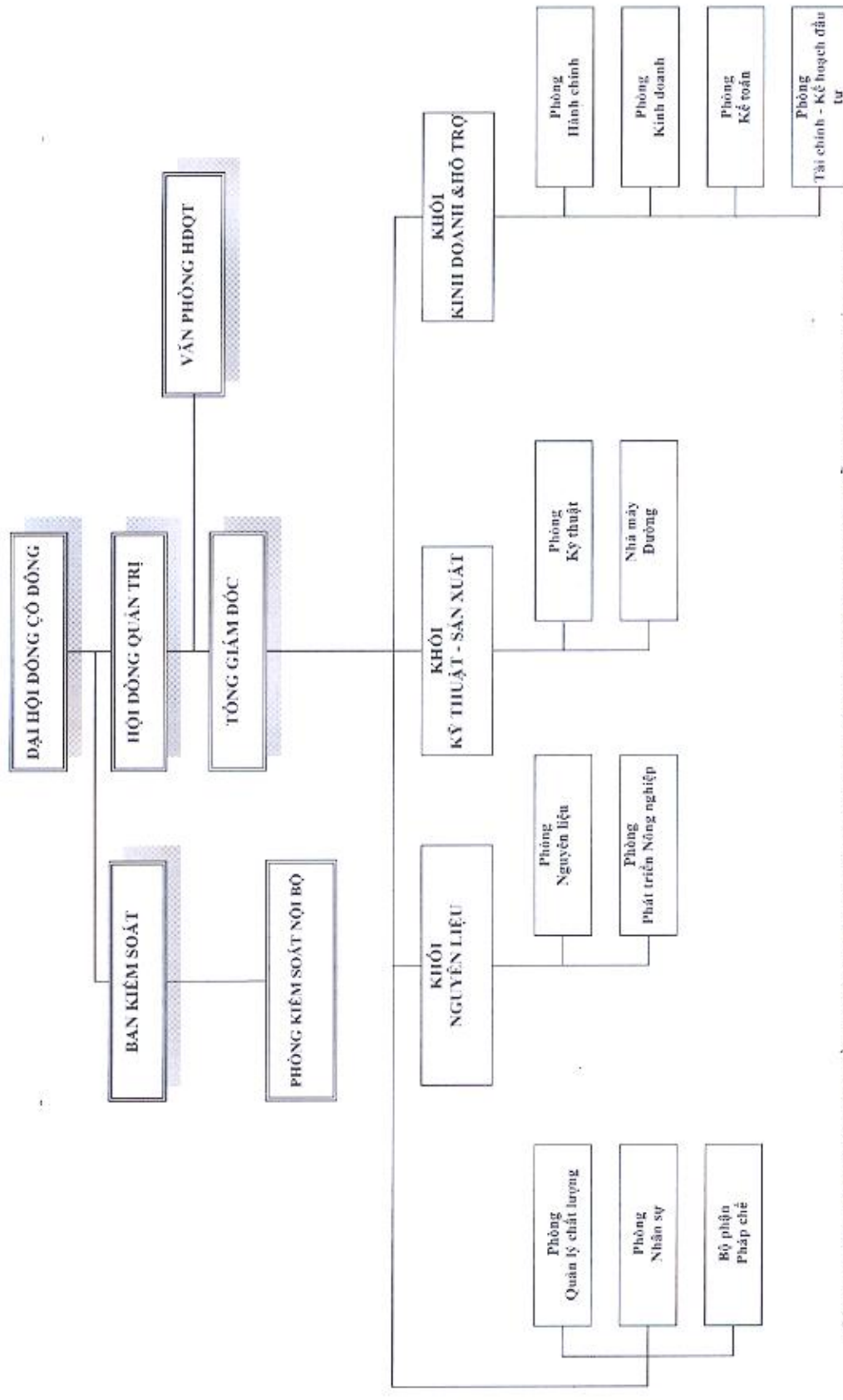
Bảng 1: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị Công ty

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Bổ nhiệm/Miễn nhiệm
1.	Bà Nguyễn Thị Hoa	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 02/08/2012
2.	Ông Trâm Kim Dũng	TV. HĐQT kiêm TGD	Bổ nhiệm ngày 04/09/2012
3.	Ông Nguyễn Thanh Ngữ	TV. HĐQT	Bổ nhiệm ngày 25/04/2012
4.	Ông Phan Vũ Hùng	TV. HĐQT	Bổ nhiệm ngày 02/04/2013
5.	Bà Hoàng Thị Thu Huyền	TV.HĐQT	Bổ nhiệm ngày 12/06/2014

Những thay đổi thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2014:

- Bổ nhiệm bà Hoàng Thị Thu Huyền – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty kể từ ngày 12/06/2014 theo Nghị Quyết số 78/NQ-ĐHĐCD-NHS ngày 12/06/2014.

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý



Ghi chú: Nhà máy Đường bao gồm các đơn vị: Phân xưởng Đường, Phân xưởng Cơ điện, Bộ phận hỗ trợ Kỹ thuật - Kiểm nghiệm

4.2 Các công ty con, công ty liên kết

Stt	Công ty	Địa chỉ	Hình thức sở hữu	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn thực góp của Công ty	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty CP Bò Giống Miền Trung	Quốc lộ 26, xã Ninh Sim, thị xã Ninh Hòa, Khánh Hòa	Công ty con	Sản xuất phân bón; lai tạo và cung cấp bò giống	7.361.950.000	62,92
2	Công ty TNHH MTV. Nhiệt điện Ninh Hòa	Thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa	Công ty con	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	92.000.000.000	100
3	Công ty CP Mía đường Phan Rang	160 Bắc Ái, phường Đô Vinh, tỉnh Ninh Thuận	Công ty con	Sản xuất đường RS	16.191.980.000	51,68
4	Công ty CP Mía đường 333	Thị trấn Ea Knốp, Huyện Ea Kar, tỉnh Đak Lak	Công ty liên kết	Sản xuất đường RS	35.089.810.000	42,10
5	Công ty CP Mía Đường Nhiệt điện Gia Lai	561 Trần Hưng Đạo, Thị xã Ayunpa, Gia Lai	Công ty liên kết	Sản xuất đường	84.000.000.000	22,56

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) hàng năm không thấp hơn 12%/năm.
- Nâng công suất chế biến lên 6.000 TMN, đạt sản lượng 80.000 tấn đường vào năm 2016 - 2017; hướng đến công suất 10.000 TMN vào năm 2020.

- Đầu tư hệ thống phát điện sử dụng bã mía làm nhiên liệu cung cấp cho lưới điện quốc gia với sản lượng điện đạt 50.000 Mwh từ năm 2015.
- Xây dựng đường Ninh Hòa (NHS) thành thương hiệu mạnh cả nước với mạng lưới phân phối khách hàng công nghiệp rộng rãi, hiệu quả.
- Đầu tư sản xuất phân bón vi sinh cung cấp cho nông dân trồng mía và nhu cầu sử dụng trong vùng từ năm 2016.
- Tiếp tục đầu tư tài chính vào các Công ty có ngành nghề liên quan trong khu vực Miền Trung - Tây Nguyên để tăng sức cạnh tranh trong khu vực.
- Đầu tư phát triển nguồn nhân lực đủ năng lực, tâm huyết, năng động đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.
- Xây dựng môi trường làm việc thân thiện và chuyên nghiệp.
- Hướng đến mục tiêu sản xuất với công nghệ sạch và thân thiện với môi trường.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Phát triển Công ty Đường Ninh Hòa thành một doanh nghiệp kinh doanh đa ngành trên cơ sở phát huy tối ưu ngành mía đường, từng bước phát triển vững chắc các ngành nghề, lĩnh vực sản xuất, dịch vụ nhằm tăng quy mô và hiệu quả kinh doanh, xây dựng thương hiệu đường Ninh Hòa trở thành một doanh nghiệp mạnh của khu vực và cả nước.

Ngành sản xuất, chế biến đường

- Định hướng : đến năm 2016, nâng công suất chế biến nhà máy lên 6000TMN , sản phẩm sản xuất 80.0000 tấn đường/năm , đầu tư thiết bị nâng cấp chất lượng sản phẩm đường tinh luyện (RE) công suất 400 tấn/ngày; Năm 2018, nâng công suất chế biến lên 8.000 TMN, sản phẩm sản xuất 1.000.000 tấn đường/năm; Năm 2020 nâng công suất chế biến lên 10.000 TMN, sản phẩm sản xuất 1.200.000 tấn đường/năm.
- Đầu tư phát triển mở rộng vùng nguyên liệu mía: 13.500 ha (năm 2016), 15.000 ha (năm 2018), 17.000 ha (năm 2020).

Đối với môi trường

Tăng cường kiểm soát chặt chẽ các mặt hoạt động của Công ty có nguy cơ tác động xấu đến môi trường .

Đối với xã hội và cộng đồng

“Đồng hành với địa phương, chia sẻ trách nhiệm cộng đồng” là mục tiêu Công ty đối với xã hội. Sự phồn vinh của xã hội gắn liền với sự phát triển Công ty. Tiếp tục chung tay đóng góp các chương trình hỗ trợ cộng đồng , chia sẻ trách nhiệm bằng các hành động thiết thực: tham gia các chương trình đóng góp xã hội của địa phương; Xây tặng nhà tình nghĩa cho các đối tượng chính sách, hộ nghèo, v.v...

6. Các rủi ro

6.1. Rủi ro về kinh tế

- Nhu cầu sử dụng của bất kì sản phẩm nào cũng phụ thuộc vào tốc độ tăng trưởng kinh tế của đất nước. Sản phẩm đường Ninh Hòa cũng không nằm ngoài quy luật đó, sản

phẩm chủ yếu của Công ty là đường, mặt hàng thiết yếu được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày, sử dụng trong các ngành công nghiệp chế biến như thực phẩm, nước uống... Do vậy, nếu nền kinh tế phát triển cao và tăng trưởng ổn định, khả năng tiêu thụ các sản phẩm từ đường sẽ nhiều hơn và ngược lại. Nền kinh tế Việt Nam được kỳ vọng sẽ cải thiện vào các năm sau nhưng nhìn chung vẫn còn yếu, điều này ảnh hưởng rất nhiều đến sự tăng trưởng của ngành chế biến thực phẩm và nhu cầu tiêu thụ đường.

- Chính sách thuế quan: lộ trình hội nhập AFTA sẽ bắt đầu áp dụng đối với sản phẩm đường từ năm 2015, xóa bỏ thuế nhập khẩu mặt hàng đường; Trước tình hình này, công ty đã có những bước chuẩn bị, đưa ra những biện pháp quản lý chặt chẽ chi phí giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm để nâng cao giá trị cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường trong bối cảnh hội nhập.

6.2. Rủi ro về luật pháp

Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần, chịu sự điều tiết và quản lý của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan. Việc ban hành hoặc thay đổi chính sách, quy định mới liên quan đến hoạt động của ngành sẽ ảnh hưởng đến hoạt động Công ty.

6.3. Rủi ro thị trường

Trong niên vụ 2013- 2014, sản lượng đường sản xuất cả nước đạt 1,6 triệu tấn đường, tăng 5% so với niên vụ trước. Nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan 73.500 tấn, đường nhập lậu ngày càng tăng có thể lên tới 400.000 tấn/năm. Như vậy, tổng nguồn cung đường trong năm hơn 2 triệu tấn. Tiêu thụ nội địa từ 1,4 -1,5 triệu tấn; xuất khẩu khoảng hơn 200 nghìn tấn, sau khi cân đối cung cầu sẽ còn thừa 300.000 tấn. Với sản lượng đường thặng dư cao đã làm giá bán đường giảm mạnh và chạm đáy trong tháng 03, tình hình tiêu thụ tiếp tục khó khăn trong năm 2014.

Tuy nhiên, kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm tới đã dự báo các kịch bản khi giá đường giảm và có những giải pháp chủ động trong quản lý nông nghiệp, sản xuất và kiểm soát chặt chẽ các hạng mục chi phí trong hoạt động, v.v... giúp Công ty luôn duy trì hiệu quả kinh doanh và duy trì nâng cao khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp trong khu vực.

6.4. Rủi ro về nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm (chi phí nguyên liệu chiếm hơn 80% giá thành sản xuất đường), vì vậy biến động nguồn nguyên liệu sẽ ảnh hưởng trực tiếp giá thành sản phẩm của Công ty. Ngoài ra, giá mía trên thị trường biến động thất thường, mang lại tâm lý không ổn định cho người trồng mía, dẫn đến việc các hộ trồng mía chuyển sang trồng những loại cây trồng khác mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn, thu hẹp diện tích vùng nguyên liệu. Việc biến động và thiếu ổn định của nguồn nguyên liệu sẽ gây ảnh hưởng rất nhiều đến kết quả kinh doanh của Công ty.

6.5. Rủi ro khác

Một số rủi ro như thời tiết khắc nghiệt, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, hỏa hoạn, v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra trên quy mô lớn sẽ gây thiệt hại cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM TÀI CHÍNH 2014 (01/01/2014 – 30/06/2014)

1. Tình hình hoạt động kinh doanh trong năm

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh riêng

a) Doanh thu:

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
Doanh thu	1.015,20	635,08
- Đường kính trắng	853,62	494,50
- Mật ri	38,92	54,72
- Bùn, tro, bã mía	9,50	11,19
- Điện thương phẩm	2,40	0,54
- Dịch vụ vật tư nông nghiệp	110,76	74,13
Doanh thu hoạt động tài chính	33,81	16,42
Thu nhập khác	45,33	4,21

Đường kính trắng được xem là sản phẩm chủ lực của Công ty, chiếm tỷ trọng cao trên 77% trong cơ cấu doanh thu thuần hàng năm. Năm 2014, doanh thu đường kính trắng đạt 494,50 tỷ đồng.

b) Chi phí:

Bảng 3: Cơ cấu chi phí

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2014	Từ 1/1/2014 đến 30/06/2014
Giá vốn	859,93	515,86
Chi phí tài chính	33,81	35,22
Chi phí bán hàng	22,32	9,19
Chi phí quản lý doanh nghiệp	35,84	20,63
Chi phí khác	35,89	3,55

Giá vốn hàng bán Công ty chiếm 81,23% doanh thu thuần năm 2014, thấp hơn so với mức 84% của năm 2013, nguyên nhân là do giá đường giảm trong khi giá mua nguyên liệu của năm thay đổi ít so với tốc độ giảm của giá đường.

c) Lợi nhuận sau thuế

Bảng 4: Cơ cấu lợi nhuận

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
Lợi nhuận gộp từ HĐKD	155,27	119,23
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	89,93	70,61
Lợi nhuận khác	9,44	0,66
Lợi nhuận trước thuế	99,37	71,27
Lợi nhuận sau thuế	78,38	55,45

Trong những năm trước, kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, Công ty thay đổi kỳ kế toán năm như sau:

- Kỳ kế toán năm đầu tiên sau khi thay đổi là từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014;
- Những kỳ kế toán năm tiếp theo sẽ bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 6. Theo đó, các số liệu so sánh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng mà phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (giai đoạn 12 tháng) không thể so sánh được với các số liệu của giai đoạn hiện tại.

1.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất

Bảng 5: Kết quả hợp nhất

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
Tổng giá trị tài sản	1.861,71	2.194,93
Doanh thu thuần	1.015,03	906,52
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	87,39	130,52
Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết	18,32	22,16
Lợi nhuận khác	9,35	0,62
Lợi nhuận trước thuế	115,06	153,30
Lợi nhuận sau thuế	91,42	125,19

2. Tổ chức nhân sự

2.1. Danh sách Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng

- Ông Trần Kim Dũng: Tổng Giám đốc
- Ông Trần Quốc Thảo: Phó Tổng Giám đốc Thường trực
- Ông Nguyễn Tiến Cường: Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật
- Bà Võ Thị Thủy Tiên: Giám đốc Tài chính
- Bà Ngô Thị Thu Trang: Kế toán trưởng

Tóm tắt Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng .

➤ **Ông Trần Kim Dũng - Tổng giám đốc**

Giới tính : Nam
CMND : 220320241
Ngày sinh : 17/12/1964
Nơi sinh : Bến Tre
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Xã Diên An, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa
Địa chỉ thường trú : 342B đường Lê Hồng Phong, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Trình độ học vấn : 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế công nghiệp
Chức vụ công tác hiện nay: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Số cổ phần sở hữu (tại thời điểm 24/09/2014): 86.156 cổ phần

➤ **Ông Trần Quốc Thảo - Phó Tổng giám đốc thường trực**

Giới tính : Nam
CMND : 271388525
Ngày sinh : 1979
Nơi sinh : Đồng Nai
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : 9A Cư xá Giấy Tân Mai, khóm I, phường Thống Nhất, Tp. Biên Hòa,
Đồng Nai
Trình độ học vấn : 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân
Số cổ phần sở hữu (tại thời điểm 24/09/2014): 0 cổ phần

➤ **Ông Nguyễn Tiến Cường - Phó Tổng giám đốc Kỹ thuật**

Giới tính : Nam
CMND : 280360268
Ngày sinh : 1966
Nơi sinh : Bình Dương
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : 22/6 Ấp Trung, Vĩnh Phú, Thuận An, Bình Dương
Trình độ học vấn : 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân
Số cổ phần sở hữu (tại thời điểm 24/09/2014): 0 cổ phần

➤ **Bà Võ Thị Thủy Tiên – Giám đốc Tài chính**

Giới tính : Nữ
CMND : 220886978
Ngày sinh : 16/04/1974
Nơi sinh : Khánh Hòa
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Khánh Hòa
Địa chỉ thường trú : Vĩnh Phước, Nha Trang, Khánh Hòa
Trình độ học vấn : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
Số cổ phần sở hữu (tại thời điểm 24/09/2014): 3.375 cổ phần

➤ **Bà Ngô Thị Thu Trang – Kế toán trưởng**

Giới tính : Nữ
CMND : 225044985
Ngày sinh : 1978
Nơi sinh : Khánh Hòa
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Khánh Hòa
Địa chỉ thường trú : thôn Phú Khánh Hạ, Diên Thạnh, Diên Khánh, Khánh Hòa
Trình độ học vấn : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán
Số cổ phần sở hữu (tại thời điểm 24/09/2014): 0 cổ phần

2.2. Những thay đổi trong Ban Tổng giám đốc:

- Ông Trần Quốc Thảo được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc thường trực Công ty từ ngày 01/03/2014 theo Quyết định số 35/2014/QĐ-HĐQT ngày 28/02/2014
- Ông Nguyễn Tiến Cường được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc kỹ thuật từ ngày 01/09/2014 theo Quyết định số 116/QĐ-HĐQT ngày 11/08/2014.
- Ông Vũ Thành Châu miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc kỹ thuật từ ngày 01/09/2014 theo Quyết định số 115/QĐ-HĐQT ngày 11/08/2014.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên:

Bảng 6: Tình hình lao động tính đến ngày 30/06/2014

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Số lượng lao động	408	100
Phân theo độ tuổi		
- Từ 18 tuổi đến dưới 25 tuổi	40	9,8

- Từ 25 tuổi đến dưới 35 tuổi	155	38
- Từ 35 tuổi đến dưới 45 tuổi	149	36,51
- Trên 45 tuổi	64	15,68
Phân theo trình độ		
- Trên đại học	-	-
- Đại học	75	18,39
- Cao đẳng	21	5,13
- Trung cấp	78	19,12
- Lao động phổ thông	234	57,36

Nhằm xây dựng và phát triển đội ngũ CBNV yêu thích công việc và tâm huyết với nghề, gắn bó với sự phát triển của Công ty, Công ty luôn chú trọng xây dựng chế độ chính sách phù hợp dành cho người lao động bao gồm:

- Trong 06 tháng đầu năm, Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 Phó Tổng giám đốc, 01 Giám đốc Tài chính, 01 Giám đốc Nguyên liệu và một số cán bộ quản lý khác nhằm phát triển đội ngũ cán bộ cốt cán phù hợp với định hướng phát triển nguồn nhân lực của Công ty.
- Công ty luôn quan tâm công tác đào tạo chuyên môn và kỹ năng quản lý cho cán bộ quản lý cấp trung, nâng cao nghiệp vụ cho CBNV tại địa phương hoặc cử đi đào tạo tại TP. Hồ chí Minh để đáp ứng quy mô ngày càng mở rộng của Công ty.
- Công ty chú trọng đến đời sống, thu nhập, môi trường làm việc và thăng tiến, tạo mọi điều kiện cho CBNV phát huy năng lực và khả năng; Thu nhập bình quân trong 06 tháng đầu năm 2014 là 8,6 triệu đồng/người/tháng.
- Công ty phối hợp với Công đoàn cơ sở luôn quan tâm chăm lo đời sống cho người lao động: tạo môi trường làm việc thuận lợi, thực hiện đủ các chính sách BHXH, BHYT, BHTN, thăm hỏi ốm đau, lễ tết, chính sách khen thưởng kịp thời nhằm khuyến khích người lao động phát huy năng lực và năng suất, gắn bó với Công ty. Trong 06 tháng đầu năm Công ty đã trích từ quỹ phúc lợi, quỹ công đoàn để thực hiện chương trình mái ấm NHS cho các CBNV Công ty có hoàn cảnh khó khăn, Công ty đã tài trợ 02 nhà cho CBNV với giá trị hỗ trợ là 80 triệu đồng/nhà; trao 05 suất học bổng cho con CBNV có hoàn cảnh khó khăn, vượt khó, 128 suất học sinh giỏi với tổng giá trị 62,9 triệu đồng nhằm khuyến khích, động viên tinh thần học tập của con em CBNV, bên cạnh động viên tinh thần hăng say làm việc của toàn thể CBNV trong Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Các khoản đầu tư lớn

- a) Đầu tư dự án nâng công suất chế biến

Công ty đã hoàn tất dự án NCS nhà máy lên 5.200 TMN (Giai đoạn 1 của dự án 6.000 TMN) kịp thời đưa dây chuyền vào hoạt động vụ sản xuất 2013 - 2014; hoàn tất phê duyệt dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải 2.200 m³/ngày và ký hợp đồng triển khai thực hiện.

b) Đầu tư tài chính

Bảng 7: các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Công ty	30/06/2014			
	SL đầu kỳ	Số lượng CP	Tỷ lệ (%)	Giá trị đầu tư (triệu đồng)
CTCP Bò Giống Miền Trung	736.195	736.195	62,92%	15.278
CTCP Mía đường Phan Rang	1.619.198	1.619.198	51,68%	24.129
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa	-	-	-	92.000
CTCP Mía Đường 333	3.508.981	3.508.981	42,10%	42.606
CTCP Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai	6.400.000	8.800.000	22,56%	136.919
CTCP Điện Gia Lai	7.000.000	8.050.000	13,39%	84.000
CTCP Nghiên Cứu Ứng Dụng Mía Đường TTC	420.000	420.000	14,00%	4.200
CTCP Giao dịch hàng hóa Sơn Tin	1.500.000	1.500.000	10,00%	19.500
CTCP Đường Biên Hòa	116.648	116.648	0,2%	1.401
Tổng	21.301.022	24.751.022		420.033

3.2 Tình hình hoạt động công ty con, công ty liên kết

a. Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung

Hoạt động chính của Công ty là chăn nuôi bò; trồng mía và các loại cây công nghiệp khác; kinh doanh thức ăn cho gia súc, bò nuôi và các sản phẩm chăn nuôi khác;

Tại thời điểm 30/06/2014, Công ty Đường Ninh Hòa sở hữu 736.195 cổ phiếu, chiếm 62,92% vốn điều lệ Công ty CP Bò giống Miền Trung. Lợi nhuận sau thuế Công ty lỗ 1,617 tỷ đồng.

b. Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang

Hoạt động chính của Đường Phan Rang là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm làm từ mía; sản xuất và kinh doanh nước giải khát; ...

Tại thời điểm 30/06/2014, Công ty sở hữu 1.619.198 cổ phiếu, chiếm 51,68% vốn điều lệ Công ty Đường Phan Rang. Tại thời điểm 30/06/2014, doanh thu thuần Công ty đạt 252,156 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 34,920 tỷ đồng.

c. Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa (NHE)

Trong năm 2013 Công ty vốn góp 100% thành lập mới Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa gắn liền với dự án đầu tư Nhà máy Nhiệt điện bã mía Ninh Hòa, với tổng vốn đầu tư thực hiện dự án là 345,2 tỷ đồng và đưa nhà máy vào hoạt động năm 2014.

Đến 30/06/2014, Công ty đã góp vốn đầu tư 92.000.000.000 VND, tương đương 30,7% vốn điều lệ. Tại thời điểm 30/06/2014, doanh thu thuần Công ty đạt 25,138 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 10,281 tỷ đồng

d. Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai (SEC)

Hoạt động kinh doanh của SEC bao gồm sản xuất đường và các sản phẩm sau đường; sản xuất, truyền tải và phân phối điện; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; chế biến hàng nông sản (trừ mù cao su); bán buôn nông, lâm, sản, nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa và mù cao su); kinh doanh vận tải hàng hóa; gia công cơ khí; ...

Hiện tại, Công ty Đường Ninh Hòa sở hữu 8.800.000 cổ phiếu, chiếm 22,56% vốn điều lệ SEC. Tại thời điểm 30/06/2014, kết quả hoạt động kinh doanh của SEC đạt kết quả cao, doanh thu thuần đạt 459,959 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 26,218 tỷ đồng.

e. Công ty Cổ phần Mía đường 333 (S33)

Hoạt động chính của Công ty Đường 333 là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía, sản xuất hạt điều xuất khẩu, sản xuất và kinh doanh nước uống, nước giải khát; sản xuất và kinh doanh phân bón hữu cơ; ...

Tại thời điểm 30/06/2014, Công ty Đường Ninh Hòa sở hữu 3.508.981 cổ phiếu, chiếm 42,1% vốn điều lệ Công ty Đường 333. Doanh thu thuần tại thời điểm 30/06/2014 397,046 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 45,934 tỷ đồng.

4 Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Bảng 8: Tình hình tài chính

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
Tổng giá trị tài sản	1.657,32	1.921,35
Doanh thu thuần	1.015,20	635,08
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	89,93	70,61
Lợi nhuận khác	9,44	0,66
Lợi nhuận trước thuế	99,37	71,27
Lợi nhuận sau thuế	78,38	55,45

() Công ty thay đổi niên độ kế toán năm tài chính 2014 (từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014) nên số liệu mang tính chất tham khảo.*

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 9: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	CÔNG TY MẸ		HỢP NHẤT	
	Năm 2013	30/06/2014	Năm 2013	30/06/2014
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,15	1,29	1,26	1,11
- Hệ số thanh toán nhanh	1,07	0,91	1,14	0,76
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,5	0,56	0,51	0,54
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,98	1,25	1,06	1,24
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho	14,68	1,50	11,06	2,02
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,80	0,33	0,73	0,41
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/DTT	7,72%	8,73%	9,01%	13,81%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	11,70%	6,50%	12,77%	13,05%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/TTS	6,21%	2,89%	6,59%	5,70%
- Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/DTT	8,86%	11,12%	8,61%	14,40%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần

- Tổng số cổ phần : 60.750.000 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành : cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (tại thời điểm 30/06/2014): 60.750.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết: 60.750.000 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông (tại thời điểm 24/09/2014)

Bảng 10: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 24/09/2014

STT	Danh mục	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Phân theo tỷ lệ sở hữu			
1	Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phiếu	30.441.956	50,11%
2	Cổ đông sở hữu từ 1-5% cổ phiếu	22.704.419	37,37%
3	Cổ đông sở hữu dưới 1% cổ phiếu	7.603.625	12,52%
Phân theo cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài			
1	Cổ đông trong nước	56.770.828	93,45%
2	Cổ đông nước ngoài	3.979.172	6,55%
Phân theo cổ đông cá nhân và cổ đông tổ chức			

1	Cổ đông cá nhân	29.787.242	49,03%
2	Cổ đông tổ chức	30.962.758	50,97%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Không có.

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Tổng quan tình hình kinh tế vĩ mô

Tình hình chung

Tình hình kinh tế trong nước 6 tháng đầu năm nay diễn ra trong bối cảnh thế giới tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp về kinh tế và chính trị. Tình hình sản xuất kinh doanh tiếp tục đối mặt với những khó khăn, áp lực: Sức mua trên thị trường thấp; khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế chưa cao; sức ép nợ xấu còn nặng nề;... Tổng sản phẩm trong nước (GDP) 6 tháng đầu năm 2014 ước tính tăng 5,18% so với cùng kỳ năm 2013, trong đó quý I tăng 5,09%; quý II tăng 5,25%. Đây là mức tăng GDP cao so với mức tăng cùng kỳ năm 2012 và 2013. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản 6 tháng đầu năm theo giá so sánh 2010 ước tính đạt 357,4 nghìn tỷ đồng, tăng 3,4% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 6 tháng đầu năm nay tăng 4,77% so với bình quân cùng kỳ năm trước, bình quân mỗi tháng trong 6 tháng đầu năm nay, CPI tăng 0,23%.

Ngành đường

Tổng sản lượng đường sản xuất toàn thế giới vụ 2013/14 đạt kỷ lục 181 triệu tấn. Trong khi đó tiêu thụ đường chỉ có 176 triệu tấn thặng dư 4,4 triệu tấn. Cụ thể sản lượng đường Thái Lan đạt kỷ lục 11,2 triệu tấn, cuộc khủng hoảng chính trị tại Thái Lan đã ảnh hưởng đến tiêu thụ nội địa giảm mạnh, đường Thái Lan thặng dư nhiều và xuất khẩu tăng.

Sản lượng đường nhập khẩu của Trung Quốc vụ này tính đến tháng 4 có tăng so với các vụ trước, tuy nhiên hiện Trung Quốc đang tồn khoảng 8,5 triệu tấn đường và đang cho dừng chương trình mua đường. Lần đầu tiên trong lịch sử, các nhà máy đường Trung Quốc nợ tiền mía của dân. Điều này sẽ làm cho sản lượng đường Trung Quốc sụt giảm 5% trong vụ tới.

Trong niên vụ 2013- 2014, sản lượng đường sản xuất cả nước đạt 1,6 triệu tấn đường, tăng 5% so với niên vụ trước. Nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan 73.500 tấn, đường nhập lậu ngày càng tăng có thể lên tới 400.000 tấn/năm. Như vậy, tổng nguồn cung đường trong năm hơn 2 triệu tấn. Tiêu thụ nội địa từ 1,4 -1,5 triệu tấn; xuất khẩu khoảng hơn 200 nghìn tấn, sau khi cân đối cung cầu sẽ còn thừa 300.000 tấn. Với sản lượng đường thặng dư cao đã làm giá bán đường giảm mạnh và chạm đáy trong tháng 03, tình hình tiêu thụ tiếp tục khó khăn trong quý 2 năm 2014.

2. Kết quả sản xuất – kinh doanh

Bảng 11: Kết quả sản xuất – kinh doanh

Stt	Kết quả HĐKD	DVT	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014		
			Kế hoạch	Thực hiện	So KH
A	Sản lượng mía ép	Tấn	634.667	645.710	102%
B	Sản lượng sản xuất	Tấn	63.466	72.115	114%
D	Kết quả kinh doanh				
1	Doanh thu thuần Công ty mẹ	Tr.đồng	710.890	635.083	89%
2	LNTT Công ty mẹ	Tr.đồng	36.363	71.268	196%
3	LNST Công ty mẹ	Tr.đồng	28.000	55.452	198%

3. Công tác nguyên liệu

Công ty đã hoàn tất công tác thu mua mía nguyên liệu vụ 2013-14 với tổng sản lượng đạt 681.013 tấn mía đạt 102% so với kế hoạch vụ 2013-14 đề ra. Tổng giá trị thu nợ đầu tư cho vụ 2013-14 đạt 187,24 tỷ đồng, đạt 99,72% giá trị phải thu (187,76 tỷ đồng).

4. Công tác kỹ thuật – sản xuất

Tình hình sản xuất: Trong vụ 2013-14, Nhà máy đường vận hành tốt dây chuyền sản xuất đạt công suất ép bình quân 4.936 TMN, tổng sản lượng ép trong năm tài chính 2014 (từ 01/01 đến 30/06/2014) đạt 645.710 tấn mía.

Đầu tư dự án: Hoàn tất dự án NCS nhà máy lên 5.200 TMN (Giai đoạn 1 của dự án 6.000 TMN) kịp thời đưa dây chuyền vào hoạt động vụ sản xuất 2013 - 2014; hoàn tất phê duyệt dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải 2.200 m³/ngày và ký hợp đồng triển khai thực hiện.

5. Công tác kinh doanh

Sáu tháng đầu năm 2014 do tình hình tiêu thụ gặp nhiều khó khăn với giá đường tiếp tục giảm, nguồn cung nhiều hơn cầu nên tổng sản lượng tiêu thụ chỉ đạt 39.596 tấn đạt 87% so với kế hoạch (45.344 tấn).

6. Công tác tài chính

Tình hình huy động vốn: Nợ vay trong kỳ tăng theo nhu cầu sản xuất vụ mía 2013-14.

- Dự nợ vay ngắn hạn đến 30/6 là 680 tỷ, lãi suất bình quân là 6,8%/năm.
- Dự nợ vay dài hạn đến 30/6 là 183 tỷ, lãi suất bình quân là 9,5%/năm.

Công tác đầu tư tài chính

- Cổ phiếu của Công ty CP Điện Gia Lai (GEC): Nhận cổ tức bằng CP và phát hành CP thưởng năm 2013 là 15% (1.050.000 cổ phiếu).
- Cổ phiếu của Công ty CP Mía đường nhiệt điện Gia Lai (SEC): Phát hành tăng vốn điều lệ 37,5%, tương ứng tăng thêm 2.400.000 cổ phiếu.

Tình hình tăng trưởng tổng tài sản: Tốc độ tăng trưởng tổng tài sản bình quân giai đoạn 2010 - 30/06/2014 đạt 56,1%/năm, tính đến ngày 30/06/2014 tổng tài sản Công ty đạt 1.921 tỷ đồng tăng 12% so với năm 2013 (1.657 tỷ đồng). Trong đó tài sản ngắn hạn đạt 1.179 tỷ đồng, tài sản dài hạn đạt 742 tỷ đồng.

Tình hình tăng trưởng nguồn vốn chủ sở hữu: Tốc độ tăng trưởng tổng nguồn vốn chủ sở hữu giai đoạn 2010-30/06/2014 đạt 54,4%/năm, cụ thể đến 30/06/2014 tổng giá trị nguồn vốn chủ sở hữu đạt 853 tỷ đồng.

7. Công tác nhân sự

Tổng lao động đầu niên độ 2014 gần 500 người trong đó lao động thời vụ, vụ việc là 84 người. Trong năm đã tuyển dụng 21 người, so với kế hoạch năm 2014 đạt 86%. Tổng số lao động xin thôi việc 12 người), tỷ lệ thôi việc chiếm 2.34% trên tổng số lao động trong năm.

8. Công tác đào tạo:

Công tác đào tạo phần lớn các khóa đào tạo đều tập trung thực hiện từ tháng 7 đến tháng 12 hàng năm. Tổng số khóa đào tạo theo kế hoạch là 40 khóa, tuy nhiên trong năm 2014 chuyển đổi niên độ kế toán nên Công ty đã triển khai thực hiện 7 khóa đào tạo trong 06 tháng đầu năm, trong đó 02 khóa theo kế hoạch và 5 khóa đột xuất. Số lượt người được đào tạo là 24 lượt.

9. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Bảng 10: Tình hình tài sản

Dvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	30/06/2014		Năm 2013	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tài sản ngắn hạn	1.179,35	61,38%	775,26	46,78%
Tài sản dài hạn	742,00	38,62%	882,06	53,22%
Tổng tài sản	1.921,35	100,00%	1.657,32	100,00%

Tổng tài sản công ty tại thời điểm 30/6/2014 tăng 264,03 tỷ đồng so với đầu năm. Trong đó cơ cấu tài sản có sự chuyển dịch rõ rệt. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn tăng 14,60% so với đầu năm tương ứng là 404,09 tỷ đồng trong khi đó tài sản dài hạn giảm 15% tương ứng là 140,06 tỷ đồng

b. Tình hình nợ phải trả

Bảng 11: Tình hình nợ phải trả

Dvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	30/06/2014		Năm 2013	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	915,28	47,64%	671,65	40,53%
Nợ dài hạn	152,63	7,94%	150,50	9,08%
Nợ phải trả	1.067,91	55,58%	822,16	49,61%

Tổng nợ phải trả của Công ty tại thời điểm 30/6/2014 tăng 245,76 tỷ đồng so với đầu năm. Trong đó cơ cấu tài sản có sự chuyển dịch rõ rệt. Tỷ trọng nợ phải trả ngắn hạn tăng 7,11% so với đầu năm tương ứng là 243,63 tỷ đồng trong khi đó nợ dài hạn giảm 1,14% tương ứng là 2,13 tỷ đồng.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

HĐQT đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ theo đúng pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của ĐHDCĐ và HĐQT đã ban hành.

a) Về công tác tổ chức quản lý

Trong 06 tháng đầu năm 2014, HĐQT đã tổ chức họp 02 cuộc họp thường kỳ nhằm giải quyết các công việc theo tính chất thường trực. HĐQT cũng đã bổ nhiệm, tái bổ nhiệm các cán bộ quản lý căn cứ vào chuyên môn, nghiệp vụ để tiếp tục thực hiện công tác quản lý, điều hành của Công ty, đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

HĐQT ban hành 05 quy chế, quy định thuộc thẩm quyền nhằm kiện toàn hệ thống văn bản lập quy, tạo hành lang pháp lý và khuôn khổ cho hoạt động quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân theo các quy định pháp luật.

b) Về hoạt động sản xuất kinh doanh

Công tác nguyên liệu

- Hoàn thành tốt công tác thu mua mùa nguyên liệu năm tài chính 2014;
- Diện tích đầu tư nguyên liệu vụ 2013-2014 là 10.300 ha, tăng 2,7% so vụ năm 2012-2013 (9.770 ha).
- Chính sách đầu tư, mua mùa, thu hoạch và các chính sách hỗ trợ khác của Công ty trong vụ mùa 2013-2014 phù hợp với lợi ích của người bán mùa, khuyến khích nông dân phát triển cây mùa và gắn bó trong việc mua bán nguyên liệu với Công ty, đáp ứng được yêu cầu cạnh tranh và chiến lược phát triển lâu dài của Công ty.

Công tác mở rộng nâng công suất dự án

Hoàn tất dự án nâng công suất chế biến nhà máy lên 5.200 TMN (giai đoạn 1 của dự án 6.000 TMN) kịp thời đưa vào hoạt động vụ sản xuất 2013-2014.

Công tác kinh doanh

Trong 06 tháng đầu năm 2014, sản lượng tiêu thụ của Công ty đạt 87% so với kế hoạch, tương đương 39.569 tấn đường do giá đường giảm mạnh, thị trường tiêu thụ sụt giảm.

c) Về công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

- Trong 06 tháng đầu năm, Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 Phó Tổng giám đốc, 01 Giám đốc Tài chính, 01 Giám đốc Nguyên liệu và một số cán bộ quản lý khác nhằm phát triển đội ngũ cán bộ cốt cán phù hợp với định hướng phát triển nguồn nhân lực của Công ty.
- HĐQT đã tập trung chỉ đạo xuyên suốt Ban Tổng giám đốc chú trọng, quan tâm công tác đào tạo chuyên môn và kỹ năng quản lý cho cán bộ quản lý cấp trung, nâng cao nghiệp vụ

cho CBNV tại địa phương hoặc cử đi đào tạo tại TP. Hồ chí Minh để đáp ứng quy mô ngày càng mở rộng của Công ty.

- HDQT luôn quan tâm đến đời sống, thu nhập, môi trường làm việc và thăng tiến, tạo mọi điều kiện cho CBNV phát huy năng lực và khả năng; Thu nhập bình quân trong 06 tháng đầu năm 2014 là 8,6 triệu đồng/người/tháng tăng 6,8% so với năm 2013.
- Để tạo điều kiện thu hút nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, gắn bó với Công ty, Công ty có chính sách khuyến khích phù hợp: chế độ thu nhập, chế độ thăng tiến, môi trường làm việc thân thiện, thuận lợi, bảo đảm đầy đủ các chế độ của nhà nước (BHXH, BHYT, BHTN), bảo hiểm thân thể 24/24, bảo hiểm sức khỏe kết hợp tai nạn con người đối với cán bộ quản lý, khen thưởng xứng đáng và kịp thời cá nhân có thành tích đóng góp cho Công ty.

d) Về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

- Hoạt động của Ban Tổng giám đốc đã đáp ứng được yêu cầu quản lý Công ty theo đúng quy định của Điều lệ và nhiệm vụ kế hoạch được giao.
- Ban Tổng Giám đốc đã chấp hành nghiêm túc Điều lệ, quy chế, quy định Công ty và sự chỉ đạo, giám sát của HDQT và BKS.
- Bên cạnh những ưu điểm, kết quả tích cực, hoạt động quản lý điều hành của Ban Tổng giám đốc Công ty vẫn còn một số mặt cần chú trọng việc tăng cường, củng cố tổ chức, cán bộ và công tác chỉ đạo điều hành, nhất là một số lĩnh vực quan trọng như nguyên liệu, công nghệ sản xuất, đầu tư phát triển.
- Căn cứ những quy chế, quy định của HDQT đã ban hành, Ban Tổng giám đốc tiếp tục bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nội bộ Công ty.

e) Công tác sáp nhập NHS&BHS

Thực hiện theo nội dung Nghị quyết số 78/NQ-ĐHĐCĐ-NHS ngày 12/06/2014 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2013, Công ty đang tiến hành các thủ tục để thực hiện sáp nhập vào Công ty cổ phần Đường Biên Hòa (BHS). Công ty đã phối hợp với Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa triển khai các bước công việc theo đúng Nghị quyết ĐHCD.

Sau khi Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa nhận được Giấy chứng nhận phát hành của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Công ty sẽ tiếp tục phối hợp với BHS thực hiện các công việc đúng lộ trình sáp nhập theo quy định; Công ty ổn định hoạt động và phát huy hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh sau sáp nhập.

2. Các kế hoạch, định hướng của HDQT

Các mục tiêu cụ thể như sau:

a) Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tài chính 2015 (từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch Từ 01/07/2014-30/06/2015
1	Sản lượng mía ép	Tấn	650.000

2	Sản lượng đường sản xuất	Tấn	67.600
3	Sản lượng đường tiêu thụ	Tấn	70.122
4	Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ	Tỷ đồng	46
5	Cổ tức	%	7%
6	Thu nhập bình quân	Tr.đồng/tháng	8,075

b) Nguyên liệu

Mục tiêu trọng tâm công tác nguyên liệu vụ 2014 - 2015: tiếp tục giảm giá thành sản xuất cây mía, nâng cao chất lượng cây mía bằng các giải pháp cụ thể:

- Triển khai rộng rãi các chính sách đầu tư nguyên liệu đến tận người trồng mía.
- Triển khai và thực hiện các chương trình: đầu tư hệ thống thủy lợi; mở rộng phát triển vùng nguyên liệu gần nhà máy, cung ứng nguồn giống mía phù hợp và sạch bệnh, đẩy mạnh công tác cơ giới hóa cây mía.
- Phát huy tiếp tục các chính sách mua mía hợp lý, cạnh tranh; điều tiết chính sách nguyên liệu nhằm hướng đến mục tiêu nguyên liệu có chữ đường cao, tạp chất ít.

c) Dự án – sản xuất

- Vận hành ổn định công suất chế biến 5.200TMN ổn định và nâng cao chất lượng thành phẩm.
- Nâng cao hệ số an toàn thiết bị; đảm bảo hiệu suất tổng thu hồi, an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong hoạt động sản xuất.
- Xây dựng và triển khai dự án nâng công suất 6000 TMN giai đoạn 2 (từ 5200 TMN lên 6000 TMN) và đầu tư dây chuyền thiết bị chế biến đường RE 400 tấn sản phẩm/ngày, ước tính giá trị đầu tư 402 tỷ đồng.

d) Lĩnh vực khác

- Quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn vốn, tài sản của Công ty, chú trọng việc tiết kiệm chi phí.
- Đảm bảo điều hành hoạt động của Công ty bằng kế hoạch.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hoàn thiện hệ thống văn bản lập quy và ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý.

Mở rộng cơ hội giao thương với các nước khu vực Đông Nam Á, Công ty thành lập công ty con tại Singapore với vốn đầu tư 14,7 tỷ đồng, nhằm tạo kênh tiếp cận với khách hàng tiềm năng, mở rộng khả năng tìm kiếm khách hàng, đáp ứng yêu cầu mở rộng thị trường tiêu thụ của Công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị (tại 30/06/2014)

STT	Họ và tên	Chức vụ	SLCP sở hữu	Tỷ lệ (%)	SL chức danh TV HĐQT tại các Công ty khác
1	Nguyễn Thị Hoa	Chủ tịch HĐQT	110.348	0,36%	2
2	Trần Kim Dũng	TV HĐQT	86.156	0,28	2
3	Phan Vũ Hùng	TV HĐQT	-	-	-
4	Nguyễn Thanh Ngữ	TV HĐQT	100.000	0,33	3
5	Hoàng Thị Thu Huyền	TV HĐQT	-	-	-

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm tài chính 2014 (từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014), HĐQT đã tiến hành các cuộc họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản các thành viên HĐQT để đưa ra các quyết định, hoạch định chiến lược, chỉ đạo chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả đầu tư cao và sự phát triển bền vững cho Công ty, một số hoạt động và kết quả chính năm tài chính 2014 cụ thể như sau:

- Hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tài chính 2014.
- Hoàn thành việc tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 5%/vốn điều lệ năm tài chính 2014 cho các cổ đông.
- Chủ trương đầu tư dự án nâng công suất 6.000 TMN: Công ty đã đầu tư hoàn thành giai đoạn 1 của dự án (từ 4300TMN lên 5200TMN) và đã phần đầu hoàn thành, đưa công trình vào hoạt động với công suất ổn định 5.200 TMN và kết hợp phát điện bán lên lưới quốc gia với công suất 10 MWh từ tháng 2 năm 2014, góp phần mang lại hiệu quả cho vụ sản xuất 2013-2014.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Thực hiện chuyên trách nhiệm vụ được phân công với tinh thần trách nhiệm cao, đóng góp tích cực cùng với Hội đồng quản trị ban hành những chủ trương nghị quyết xác thực từng tình hình cụ thể, đồng thời phối hợp thực thi các Nghị quyết để hoàn thành kế hoạch ĐHĐCĐ đề ra.

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

2. Ban Kiểm soát

Danh sách Ban Kiểm soát và số cổ phần sở hữu

STT	Họ và tên	Chức danh	Số CP sở hữu
1	Phạm Cao Sơn	Trưởng ban	36.000 CP
2	Lưu Mạnh Thức	Thành viên	-
3	Bùi Tấn Khải	Thành viên	-

3. Hoạt động của Ban Kiểm soát

a. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

Nội dung cuộc họp quý 1/2014

Các Thành viên Ban kiểm soát cùng nhau phân tích đánh giá chung tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2013 và đề ra kế hoạch hoạt động trong năm 2014. Thống nhất đề ra mục tiêu hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2014 với những nội dung chính như sau:

- + Xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ, đột xuất kịp thời đề xuất, kiến nghị với Ban điều hành Công ty khắc phục sai sót, đưa ra các biện pháp xử lý.
- + Hoàn thiện hệ thống KSNB và phát huy vai trò KSNB hiện có tại Công ty và nâng cao hiệu quả hoạt động của Bộ máy Ban kiểm soát.
- + Tuyển dụng thêm 01 nhân sự cho Phòng KSNB phụ trách lĩnh vực công nghệ sản xuất đường.
- + Đảm bảo tính hiệu quả của hệ thống KSNB nhằm phát hiện và ngăn ngừa rủi ro có thể xảy ra: Kiến nghị xây dựng/sửa đổi/bổ sung các quy chế, quy trình, quy định còn thiếu; các giải pháp ngăn ngừa rủi ro đối với hoạt động của Công ty.

Nội dung cuộc họp quý 2/2014

- + Các Thành viên Ban kiểm soát cùng nhau phân tích đánh giá chung tình hình hoạt động của Công ty trong quý 1 năm 2014 và đề ra kế hoạch hoạt động trong quý 2/2014.
- + Thông qua đề cương: Kiểm tra, đánh giá công tác thực hiện kế hoạch chi phí năm 2013; thẩm tra báo cáo tài chính năm 2013.
- + Thống nhất phân công Ông Phạm Cao Sơn Trưởng Ban kiểm soát lập Báo cáo hoạt động năm 2013 và kế hoạch năm 2014 của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 dự kiến sẽ được tổ chức vào tháng 6/2014.

b. Hoạt động giám sát đối với Hội đồng Quản trị

HDQT đã chỉ đạo hoạt động của Công ty đúng pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội Cổ đông đề ra, đã định hướng đúng đắn về công tác đầu tư nguyên liệu, chính sách thu mua đảm bảo lợi ích cho người trồng mía; xây dựng chính sách nhân sự và quản lý tài chính phù hợp có hiệu quả. Ban hành các Nghị quyết, Quy chế, Quyết định phục vụ công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty phù hợp với quy định của Nhà nước. Trong 06 tháng đầu năm 2014, HDQT có những hoạt động đạt kết quả như sau:

- Chỉ đạo thực hiện kế hoạch 06 tháng đầu năm 2014 đạt hiệu quả cao.

- Chỉ đạo việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2013 theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Phê duyệt ban hành các văn bản lập quy; các phương án sản xuất kinh doanh; các hạng mục đầu tư; Phê duyệt lựa chọn nhà thầu;
- Quyết định miễn nhiệm/bổ nhiệm các chức danh theo thẩm quyền.
- Thay đổi cơ cấu tổ chức phòng ban: thành lập Phòng Phát triển nguyên liệu; Phòng Tài chính - Kế hoạch đầu tư. Đổi tên Phòng tài chính-Kế toán thành Phòng Kế toán; Phòng Kế hoạch- Kinh doanh thành Phòng Kinh doanh.
- Phê duyệt chủ trương mua cổ phiếu của Công ty CP Mía đường Phan rang nâng tỷ lệ sở hữu từ 51,68% lên trên 76% vốn điều lệ.
- Quyết định v/v thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 xem xét thông qua phương án hoán đổi toàn bộ cổ phiếu NHS sang cổ phiếu BHS và hủy niêm yết cổ phiếu NHS.
- Tổ chức thành công ĐHĐCD thường niên năm 2013 vào ngày 12/6/2014. Các thành viên HĐQT thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định Điều lệ Công ty. Tổ chức các phiên họp Hội đồng quản trị định kỳ, đột xuất để thông qua các chủ trương, chính sách, kịp thời chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng Quản trị giao.

c. Hoạt động giám sát đối với Ban điều hành

- Ban điều hành đã tổ chức quản lý, sử dụng và phát huy tốt các nguồn lực về vốn, tài sản và lao động của Công ty; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước, các chế độ chính sách cho người lao động. Trong hoạt động đầu tư nguyên liệu đã xây dựng và phát triển vùng nguyên liệu, chăm lo thu nhập của người trồng mía;
- Công tác trọng tâm hàng đầu trong sáu tháng đầu năm 2014 là thu hoạch, vận chuyển mía; tập trung sản xuất và tiêu thụ đường.
- Quyết định luân chuyển một số vị trí cán bộ quản lý theo yêu cầu công việc. Bổ nhiệm các chức danh cán bộ theo thẩm quyền.
- Ban hành các Quy trình, nội qui, hướng dẫn phục vụ công tác quản lý.

d. Hoạt động kiểm tra các phòng/ban, phân xưởng

- Kiểm tra kiểm soát về hoạt động của khối nguyên liệu.
- Kiểm tra hoạt động của khối sản xuất.
- Kiểm tra công tác quản lý chất lượng của phòng Quản lý chất lượng.
- Kiểm tra hoạt động của khối kinh doanh và hỗ trợ.

Sau các cuộc kiểm tra đều có những kiến nghị cụ thể thông qua Biên bản kiểm tra.

4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD, BKS

- a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng	Tổng cộng	Ghi chú
Hội đồng quản trị						
Nguyễn Thị Hoa	Chủ tịch HDQT		78%	22%	100%	
Trần Kim Dũng	TV. HDQT		64%	36%	100%	
Nguyễn Thanh Ngữ	TV. HDQT		64%	36%	100%	
Phan Vũ Hùng	TV HDQT		64%	36%	100%	
Hoàng Thị Thu Huyền	TV HDQT		100%		100%	Bổ nhiệm ngày 12/06/2014
Ban kiểm soát						
Phạm Cao Sơn	Trưởng BKS		64%	36%	100%	
Lưu Mạnh Thức	TV. BKS		58%	41%	100%	
Bùi Tấn Khải	TV. BKS		58%	41%	100%	
Ban Tổng giám đốc						
Trần Kim Dũng	Tổng Giám đốc	49%		51%	100%	
Trần Quốc Tháo	Phó TGD thường trực	80%		20%	100%	Bổ nhiệm ngày 1/3/2014
Nguyễn Thanh Ngữ	Phó TGD thường trực	51%		49%	100%	Miễn nhiệm ngày 02/01/2013
Vũ Thành Châu	Phó TGD Kỹ Thuật	48%		52%	100%	Miễn nhiệm ngày 1/9/2014
Giám đốc Tài chính						
Võ Thị Thủy Tiên	Giám đốc tài chính	50%		50%	100%	Bổ nhiệm ngày 20/05/2014

Kế toán trưởng						
Ngô Thị Thu Trang	Kế toán trưởng	100%			100%	Bổ nhiệm ngày 20/05/2014

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người có liên quan với chính Công ty	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ(%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ(%)	
1.	Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Cổ đông lớn	6.807.240	11,21	2.936.180	4,83	Bán
2.	Trần Thanh Thịnh	Người công bố thông tin	5.302	0,008	2	0,00	Bán
3.	Trần Kim Dũng	Tổng giám đốc	222.312	0,37	202.312	0,33	Bán
4.	Vũ Thành Châu	Phó Tổng giám đốc	30.850	0,05	26.450	0,043	Bán
5.	Nguyễn Thanh Ngữ	Phó Tổng giám đốc	200.000	0,33	863.967	1,42	Mua

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Cổ đông

Giá trị giao dịch

Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công

Bán hàng hóa	378.093.773.760
Mua tài sản cố định	151.191.000
Thanh lý tài sản cố định	1.900.000.000
Phí dịch vụ tư vấn	497.000.000
Lãi do thanh toán chậm	5.904.546.373
Cho vay ngắn hạn	164.000.000.000

Thu nhập lãi vay	2.126.416.666
Phí dịch vụ khác	297.434.114
Các công ty con	
<hr/>	
Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung	
Bán hàng hóa	1.315.039.178
Thu nhập lãi	48.108.524
Phí quản lý đất	66.000.000
Cho vay ngắn hạn	1.200.000.000
Mua mía nguyên liệu	3.356.181.956
Ứng trước mua hàng hóa	1.198.208.792
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa	
Góp vốn	-
Cho vay	-
Chi trả hộ	3.923.621.313
Thu nhập lãi từ các khoản vay	-
Chuyển giao tài sản cố định	287.189.097.177
Bán bã mía	4.601.834.624
Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang	
Thanh lý tài sản cố định hữu hình, nguyên vật liệu	-
Mua đường	150.870.476
Mua nguyên vật liệu	180.993.436
Thanh lý phế liệu	159.350.000
Các bên liên quan khác	
<hr/>	
Công ty Cổ phần Mía đường 333	
Lãi từ cổ tức chưa nhận được	254.050.223

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai

Góp vốn cổ phần

24.000.000.000

Thanh lý tài sản cố định hữu hình, nguyên vật liệu

600.000.000

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Tiền lương và thù lao

5.414.036.280

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN GIAI ĐOẠN 30/06/2014

(Đính kèm Báo cáo tài chính hợp nhất giai đoạn 30/06/2014).

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN THỊ HOA





Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Báo cáo tài chính hợp nhất cho
giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014



Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận 3703000188 ngày 2 tháng 3 năm 2006
Dăng ký Kinh doanh số 4200636590 ngày 2 tháng 11 năm 2009

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 24 tháng 6 năm 2014. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Hoa	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Ngữ	Thành viên
Ông Trầm Kim Dũng	Thành viên
Ông Phan Vũ Hùng	Thành viên
Bà Hoàng Thị Thu Huyền	Thành viên

(từ ngày 13 tháng 6 năm 2014)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trầm Kim Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Ngữ	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 20 tháng 3 năm 2014)
Ông Vũ Thành Châu	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 9 năm 2014)
Ông Trần Quốc Thảo	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 3 năm 2014)
Ông Nguyễn Tiến Cường	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 9 năm 2014)

Ban Kiểm soát

Ông Phạm Cao Sơn	Trưởng ban Kiểm soát
Ông Lưu Mạnh Thức	Thành viên
Ông Bùi Tấn Khải	Thành viên

Trụ sở đăng ký

Thôn Phước Lâm
Xã Ninh Xuân
Thị xã Ninh Hòa
Tỉnh Khánh Hòa
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 57 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.



Trần Kim Dũng
Tổng Giám đốc

Tỉnh Khánh Hòa, ngày 17 tháng 9 năm 2014



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hoa Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9265
Fax: +84 (8) 3821 9267
Internet: www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 17 tháng 9 năm 2014, được trình bày từ trang 5 đến trang 57.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo kiểm toán số: 14-01-327




Trần Hằng Thu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 0877-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Lâm Thị Ngọc Hào

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 0866-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 9 năm 2014

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.110.021.558.423	945.709.617.559
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	22.460.781.583	322.520.290.803
Tiền	111		22.460.781.583	17.420.290.803
Các khoản tương đương tiền	112		-	305.100.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	144.000.000.000	162.000.000.000
Các khoản phải thu	130	7	578.457.900.153	347.908.948.312
Phải thu khách hàng	131		378.527.597.786	2.237.545.063
Trả trước cho người bán	132		186.904.350.071	331.375.516.865
Các khoản phải thu khác	135		14.493.167.390	15.718.810.720
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.467.215.094)	(1.422.924.336)
Hàng tồn kho	140	8	356.250.329.801	91.800.249.755
Tài sản ngắn hạn khác	150		8.852.546.886	21.480.128.689
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.384.028.916	548.215.556
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	11.319.719.344
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	154		721.178.400	11.960.109
Tài sản ngắn hạn khác	158		6.747.339.570	9.600.233.680
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260)	200		1.084.906.104.436	915.998.157.385
Tài sản cố định	220		718.862.156.097	603.079.499.857
Tài sản cố định hữu hình	221	9	649.420.266.906	342.313.236.627
Nguyên giá	222		844.198.397.791	502.223.166.614
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(194.778.130.885)	(159.909.929.987)
Tài sản cố định hữu hình thuộc tài chính	224	10	54.903.960.000	-
Nguyên giá	225		56.797.200.000	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.893.240.000)	-
Tài sản cố định vô hình	227	11	909.711.531	10.491.186.172
Nguyên giá	228		2.038.807.016	12.582.450.921
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.129.095.485)	(2.091.264.749)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	12	13.628.217.660	250.275.077.058
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	347.954.616.660	301.796.274.837
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		238.853.381.862	192.695.040.039
Đầu tư dài hạn khác	258		109.101.234.798	109.101.234.798

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản dài hạn khác	260		18.089.331.679	11.122.382.691
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	13.755.562.977	5.953.001.107
Tài sản dài hạn khác	268		90.500.000	130.500.000
Lợi thế thương mại	269	15	4.243.268.702	5.038.881.584
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.194.927.662.859	1.861.707.774.944
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.189.462.156.385	944.250.691.329
Nợ ngắn hạn	310		998.354.637.937	748.376.896.489
Vay ngắn hạn	311	16	772.672.822.036	625.340.131.807
Phải trả người bán	312	17	85.897.863.210	84.390.146.885
Người mua trả tiền trước	313		1.238.462.969	4.683.635.040
Thuế phải nộp Nhà nước	314	18	28.030.623.736	8.012.870.073
Phải trả người lao động	315		11.206.535.630	10.587.928.292
Chi phí phải trả	316	19	31.374.611.725	1.142.168.071
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	20	59.600.371.129	5.269.860.728
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	21	8.333.347.502	8.950.155.593
Vay và nợ dài hạn	330		191.107.518.448	195.873.794.840
Phải trả dài hạn khác	333		61.200.000	467.600.000
Vay và nợ dài hạn	334	22	183.962.620.249	189.896.537.795
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	23	7.083.698.199	5.509.657.045
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		959.264.914.046	887.531.847.895
Vốn chủ sở hữu	410	24	959.264.914.046	887.531.847.895
Vốn cổ phần	411	25	607.500.000.000	607.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	25	12.165.550.000	12.132.550.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		111.993.139.098	109.220.527.995
Quỹ dự phòng tài chính	418		18.371.956.237	15.599.345.134
Quỹ khác	419		(1.616.929.007)	(1.616.929.007)
Lợi nhuận chưa phân phối	420		210.851.197.718	144.696.353.773
LỢI ÍCH CÓ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	27	46.200.592.428	29.925.235.720
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		2.194.927.662.859	1.861.707.774.944

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Ngoại tệ (Đô la Mỹ)	209.345.880	294.259.528

Ngày 17 tháng 9 năm 2014

Người lập biểu

Nguyễn Thị Như Hiếu

Kế toán trưởng

Ngô Thị Thu Trang

Giám đốc tài chính

Võ Thị Thủy Tiên

Tổng Giám đốc



Trần Kim Dũng

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Tổng doanh thu	01	28	906.521.483.560	1.015.872.407.899
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	-	845.861.355
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	28	906.521.483.560	1.015.026.546.544
Giá vốn hàng bán	11	29	720.762.015.693	858.642.400.183
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		185.759.467.867	156.384.146.361
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	24.532.117.816	25.876.163.766
Chi phí tài chính	22	31	35.332.220.524	33.295.709.856
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>34.847.082.756</i>	<i>32.161.717.667</i>
Chi phí bán hàng	24		14.554.906.069	22.315.154.253
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		29.882.626.767	39.264.406.676
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		130.521.832.323	87.385.039.342
Thu nhập khác	31	32	4.323.940.575	45.463.588.642
Chi phí khác	32	33	3.708.761.575	36.113.416.066
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		615.179.000	9.350.172.576
Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết, cần trừ với khoản phân bổ lợi thế thương mại	41	13	22.158.341.823	18.319.965.037
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)	50		153.295.353.146	115.055.176.955
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	26.531.711.565	21.357.784.387
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	34	1.574.041.154	2.279.978.218
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		125.189.600.427	91.417.414.350

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61	37	16.275.356.708	(18.607.398)
Chủ sở hữu của Công ty	62		108.914.243.719	91.436.021.748
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	1.793	2.876

Ngày 17 tháng 9 năm 2014

Người lập biểu

Nguyễn Thị Như Hiếu

Kế toán trưởng

Ngô Thị Thu Trang

Giám đốc tài chính

Võ Thị Thủy Tiên

Tổng Giám đốc



Trần Kim Dũng

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2014 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		153.295.353.146	115.055.176.955
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		35.549.040.948	38.024.963.564
Các khoản dự phòng	03		44.290.758	(44.812.727)
Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết	05		(22.158.341.823)	(18.319.965.037)
Thu nhập lãi và cổ tức	05		(24.522.729.133)	(24.622.779.351)
Lỗ/(lãi) từ thanh lý tài sản cố định	05		507.950.890	(5.358.563.485)
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại công ty con	05		-	(599.347.942)
Chi phí lãi vay	06		34.847.082.756	32.161.717.667
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		177.562.647.542	136.296.389.644
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(247.874.375.327)	(46.566.869.225)
Biến động hàng tồn kho	10		(264.450.080.046)	5.008.830.816
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		35.159.227.057	3.126.303.644
Biến động chi phí trả trước	12		(104.846.631)	(2.122.464.895)
			(299.707.427.405)	95.742.189.984
Tiền lãi vay đã trả	13		(29.240.834.087)	(33.646.956.238)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(10.696.467.230)	(17.826.343.821)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(6.346.941.218)	(11.218.564.706)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		(345.991.669.940)	33.050.325.219

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(116.940.161.637)	(340.631.332.092)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		671.250.000	38.143.967.045
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác và tiền gửi có kỳ hạn	25		(27.085.078.050)	(193.668.235.284)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác và tiền gửi có kỳ hạn	26		18.000.000.000	-
Tiền chi mua công ty con, đã trừ đi số dư tiền của công ty con được mua	25		-	1.205.341.823
Tiền thu lãi và cổ tức	27		29.887.377.724	26.096.076.962
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(95.466.611.963)	(468.854.181.546)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	303.548.120.000
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		1.050.435.490.030	1.450.334.650.965
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(909.036.717.347)	(989.917.362.222)
Tiền chi trả cổ tức	36		-	(45.562.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		141.398.772.683	718.402.908.743
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(300.059.509.220)	282.599.052.416
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		322.520.290.803	39.921.238.387
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	5	22.460.781.583	322.520.290.803

Ngày 17 tháng 9 năm 2014

Người lập biểu



Nguyễn Thị Như Hiếu

Kế toán trưởng



Ngô Thị Thu Trang

Giám đốc tài chính



Võ Thị Thùy Tiên



Trần Kim Dũng

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (“Nhà máy Đường Ninh Hòa – Công ty Đường Khánh Hòa”) theo Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2005 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa cấp. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ từ mía; sản xuất và kinh doanh mua bán điện; thi công xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; mua bán các vật tư nông nghiệp và kinh doanh bất động sản; sản xuất và kinh doanh phân bón; và kinh doanh dịch vụ kho bãi.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 125/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông vào ngày 12 tháng 6 năm 2014, các Cổ đông đã thông qua phương án hoán đổi cổ phiếu của Công ty. Theo đó, Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa sẽ phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty theo tỷ lệ hoán đổi 1:1. Và Công ty sẽ chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Chi tiết các công ty trong Tập đoàn như sau:

Công ty	Các hoạt động chính	Giấy phép hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	
			30/6/2014	31/12/2013
<i>Các công ty con của Công ty</i>				
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa (“Nhiệt Điện Ninh Hòa”)	Sản xuất điện để bán; cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống điện; bán máy móc, thiết bị và linh kiện cho sản xuất công nghiệp, thương mại, đào mỏ, xây dựng, thiết bị văn phòng; kiến trúc các công trình công nghiệp và dân dụng; cung cấp nguồn nhân lực tạm thời cho hoạt động hệ thống điện và các dịch vụ xây dựng khác.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4201575358 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 9 tháng 10 năm 2013.	100%	100%

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

Công ty	Các hoạt động chính	Giấy phép hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	
			30/6/2014	31/12/2013
Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung (“Bò giống Miền Trung”)	Chăn nuôi bò; trồng mía và các loại cây công nghiệp khác; kinh doanh thức ăn cho gia súc, bò nuôi và các sản phẩm chăn nuôi khác; gia công gỗ và các hoạt động lâm nghiệp; trồng rừng; kinh doanh bất động sản, khách sạn và các hoạt động du lịch.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3703000180 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 21 tháng 12 năm 2005.	62,92%	62,92%
Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang (“Đường Phan Rang”)	Sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía; sản xuất và kinh doanh nước giải khát; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thức ăn gia súc và các sản phẩm nông sản khác; sản xuất và kinh doanh phân bón hữu cơ; cung cấp các dịch vụ gia công và sửa chữa; kinh doanh các sản phẩm dầu và khí; và cung cấp các dịch vụ gửi hàng.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4303000027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 26 tháng 12 năm 2005.	51,68%	51,68%
<i>Các công ty liên kết của Công ty</i>				
Công ty Cổ phần Mía đường 333 (“Đường 333”)	Sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía, sản xuất hạt điều xuất khẩu, sản xuất và kinh doanh nước uống, nước giải khát; sản xuất và kinh doanh phân bón hữu cơ; kinh doanh các sản phẩm dầu và khí; và kinh doanh các loại nông sản.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4003000094 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 28 tháng 6 năm 2006.	42,1%	42,1%
Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai (“SEC”)	Sản xuất đường và các sản phẩm phụ làm từ mía để bán; trồng cây mía; sản xuất và phân phối điện; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chế biến hàng nông sản; sản xuất và kinh doanh phân bón và đầu tư tài chính.	Giấy phép Đầu tư số 1950/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 18 tháng 7 năm 1997.	22,56%	22,98%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tập đoàn có 655 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 829 nhân viên).

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Trong những năm trước, kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, Tập đoàn thay đổi kỳ kế toán năm như sau:

- Kỳ kế toán năm đầu tiên sau khi thay đổi là từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014; và
- Những kỳ kế toán năm tiếp theo sẽ bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 6.

Theo đó, các số liệu so sánh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất mà phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (kỳ 12 tháng) không thể so sánh được với các số liệu của kỳ hiện tại.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Các khoản lãi đầu tư nhận được từ các khoản lợi nhuận phát sinh trước ngày Tập đoàn mua khoản đầu tư đó được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Trả trước cho người bán

Bao gồm trong khoản trả trước cho người bán có khoản trả trước cho nông dân để trồng mía được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản trả trước quá hạn. Dự phòng cho các khoản trả trước quá hạn được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa và vật kiến trúc 5 – 28 năm
- máy móc và thiết bị 3 – 15 năm
- phương tiện vận chuyển 4 – 10 năm
- thiết bị văn phòng 3 – 10 năm

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(i) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 2(h).

(j) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không được khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(k) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2013, quyền sử dụng đất thuê được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn thuê đất. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, Tập đoàn áp dụng phi hồi tố Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), trong đó quy định quyền sử dụng đất đối với đất thuê sau ngày 1 tháng 7 năm 2004 (ngày có hiệu lực thi hành của Luật đất đai năm 2003) không được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và do đó được phân loại lại là chi phí đất trả trước trong chi phí trả trước dài hạn. Chi phí đất trả trước được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 6 đến 28 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(m) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại các công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm. Khi ghi nhận các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư.

(n) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(o) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Dự phòng chi phí bảo trì trước mùa vụ

Trong những năm tài chính trước, Tập đoàn trích trước một số khoản chi phí phát sinh trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC. Những chi phí này bao gồm chi phí bảo trì máy móc, chi phí nhân công thực hiện công việc bảo trì máy móc và chi phí khấu hao máy móc (“chi phí bảo trì trước mùa vụ”), những chi phí này được ước tính và bao gồm trong chi phí sản xuất của hàng tồn kho được sản xuất trong mùa vụ sản xuất trước.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, Tập đoàn đã thay đổi chính sách kế toán sang ghi nhận những chi phí này trong tài khoản chi phí trả trước ngắn hạn, những chi phí này bao gồm trong chi phí sản xuất của hàng tồn kho được sản xuất trong mùa vụ sản xuất tiếp theo. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cho rằng chi phí bảo trì trước mùa vụ này phát sinh trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ góp phần vào việc duy trì hoạt động của những tài sản này trong suốt mùa vụ sản xuất tiếp theo. Tập đoàn không có nghĩa vụ phát sinh những chi phí này sau mỗi mùa vụ sản xuất, do đó không bắt buộc phải trích trước những chi phí này. Do đó, Tập đoàn cho rằng chính sách kế toán mới này cung cấp thông tin liên quan và đáng tin cậy hơn về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Việc thay đổi chính sách kế toán không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Do đó, Tập đoàn đã không thực hiện việc điều chỉnh hồi tố.

(p) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Tập đoàn có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được mua chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(q) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập dựa trên quyết định của các cổ đông tại đại hội cổ đông hàng năm. Quỹ này được sử dụng duy nhất cho việc chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(r) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(s) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(t) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên quyết định của các cổ đông tại đại hội cổ đông hàng năm.

(u) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Điện

Doanh thu được ghi nhận dựa trên khối lượng điện đã cung cấp và giá bán đã thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận tương ứng theo tỷ lệ thời gian trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(v) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(w) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(x) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

(y) Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

4. Báo cáo bộ phận

Tập đoàn chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất, là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	328.561.978	342.200.979
Tiền gửi ngân hàng	22.132.219.605	17.078.089.824
Các khoản tương đương tiền	-	305.100.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	22.460.781.583	322.520.290.803

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm 929 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 203 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn phản ánh khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công vay với thời gian đáo hạn là sáu tháng, Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Thuận Thiên vay với thời gian đáo hạn là ba tháng và các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn hơn ba tháng kể từ ngày gửi tiền. Các khoản cho vay và tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam và hưởng lãi suất năm lần lượt là 8%, 9% và 7% trong kỳ (2013: lần lượt là 8% và 7% một năm).

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm 22 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 20 tỷ VND) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

7. Các khoản phải thu

Bao gồm trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu từ các bên liên quan		
Thương mại	297.242.853.270	-
Phi thương mại	3.758.650.443	4.731.471.645

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, có thời hạn hoàn trả là từ 7 đến 10 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn và hưởng lãi suất trả chậm một năm bằng 150% lãi suất của ngân hàng thương mại được chỉ định từ 8% đến 8,2%.

Khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Khoản trả trước cho người bán bao gồm khoản trả trước cho nông dân trồng mía với giá trị là 157.027 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 206.068 triệu VND). Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía không được đảm bảo, ngoại trừ các khoản trả trước với giá trị lớn hơn 300 triệu VND được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của nông dân và hưởng lãi suất năm từ 9% đến 11% trong kỳ. Trong trường hợp nông dân hoàn thành một số điều kiện theo hợp đồng, Tập đoàn sẽ hỗ trợ một phần lãi suất cho nông dân tương ứng từ 20% đến 35% số tiền lãi phải trả. Các khoản trả trước này được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa nông dân và Tập đoàn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, các khoản phải thu ngắn hạn của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 107 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, khoản trả trước cho người bán của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 72 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 168.070 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong kỳ, Tập đoàn đã cần trả tổng cộng 356.728 triệu VND trả trước cho nông dân trồng mía với mía nguyên liệu mua từ nông dân (2013: 358.809 triệu VND).

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Cổ tức phải thu từ Công ty Cổ phần Mía đường 333	-	4.210.777.200
Phải thu từ Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu (*)	5.679.720.000	5.679.720.000
Đặt cọc cho thỏa thuận chuyển nhượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang (**)	3.085.078.050	-
Khoản phải thu từ thanh lý tài sản cố định	1.828.750.000	-
Lãi phải thu từ ngân hàng	-	3.206.007.944
Lãi phải thu do thanh toán chậm	1.590.608.776	-
Lãi phải thu từ các khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công vay	982.222.222	520.694.445
Phải thu khác	1.326.788.342	2.101.611.131
	14.493.167.390	15.718.810.720

(*) Theo hợp đồng thuê tài chính số 05.04.13/HDTG-DNH ký với Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu ngày 22 tháng 4 năm 2013, Tập đoàn thuê một bộ máy phát điện bằng tua bin với công suất 30.000 kW với giá trị là 2.734.000 Đô la Mỹ. Khoản này thể hiện thuế giá trị gia tăng liên quan đến máy phát điện mà Tập đoàn trả thay cho Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu.

(**) Trong kỳ, Công ty đã đặt cọc mua 1.123.890 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang, một công ty con, từ Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty chưa nhận được giấy chứng nhận cổ phiếu cũng như chưa thực hiện việc mua các cổ phiếu này.

8. Hàng tồn kho

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Nguyên vật liệu	12.826.967.735	16.843.908.831
Công cụ và dụng cụ	354.817.154	347.541.791
Sản phẩm dở dang	3.976.910.637	11.977.709.655
Thành phẩm	322.899.553.128	62.127.601.440
Hàng hóa	16.192.081.147	503.488.038
	356.250.329.801	91.800.249.755

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 352.487 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 32.177 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	58.993.218.250	414.687.238.266	24.935.985.820	3.606.724.278	502.223.166.614
Tăng trong kỳ	1.732.728.182	1.586.146.196	2.076.700.000	151.191.000	5.546.765.378
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	15.254.305.993	321.086.151.822	-	-	336.340.457.815
Chuyển từ chi phí trả trước ngắn hạn	31.059.284	627.202.502	-	42.272.727	700.534.513
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	844.867.194	2.654.629.787	-	122.781.818	3.622.278.799
Thanh lý	-	(945.000.000)	(3.002.601.200)	-	(3.947.601.200)
Xóa sổ	-	(287.204.128)	-	-	(287.204.128)
Số dư cuối kỳ	76.856.178.903	739.409.164.445	24.010.084.620	3.922.969.823	844.198.397.791
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	19.572.394.916	129.546.850.614	9.639.813.417	1.150.871.040	159.909.929.987
Khấu hao trong kỳ	2.796.335.916	28.454.271.375	1.194.666.566	272.888.036	32.718.161.893
Chuyển từ chi phí trả trước ngắn hạn	26.400.383	535.450.726	-	40.511.353	602.362.462
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	601.425.460	2.111.969.844	-	61.135.677	2.774.530.981
Thanh lý	-	(189.000.000)	(750.650.310)	-	(939.650.310)
Xóa sổ	-	(287.204.128)	-	-	(287.204.128)
Số dư cuối kỳ	22.996.556.675	160.172.338.431	10.083.829.673	1.525.406.106	194.778.130.885
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	39.420.823.334	285.140.387.652	15.296.172.403	2.455.853.238	342.313.236.627
Số dư cuối kỳ	53.859.622.228	579.236.826.014	13.926.254.947	2.397.563.717	649.420.266.906

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Giá trị của tài sản cố định hữu hình được mua trước ngày 10 tháng 2 năm 2006 được ghi nhận dựa theo giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày cổ phần hóa, theo định giá của Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán và được phê duyệt bởi Ủy ban Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa.

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 25.875 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 25.554 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 399.806 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 309.729 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

10. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	-
Tăng trong kỳ	56.797.200.000
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	56.797.200.000
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	-
Khấu hao trong kỳ	1.893.240.000
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	1.893.240.000
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	-
Số dư cuối kỳ	54.903.960.000
	<hr/>

Tập đoàn thuê một thiết bị sản xuất theo một hợp đồng thuê tài chính. Đến cuối giai đoạn thuê của hợp đồng thuê, Tập đoàn có quyền lựa chọn mua lại thiết bị này với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (Thuyết minh 22(d)).

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	12.079.750.921	502.700.000	12.582.450.921
Tăng trong kỳ	-	40.000.000	40.000.000
Chuyển (sang)/từ chi phí trả trước dài hạn (*)	(10.620.023.839)	36.379.934	(10.583.643.905)
Số dư cuối kỳ	1.459.727.082	579.079.934	2.038.807.016
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	1.839.914.758	251.349.991	2.091.264.749
Khấu hao trong kỳ	87.260.208	54.765.965	142.026.173
Chuyển (sang)/từ chi phí trả trước dài hạn (*)	(1.118.343.185)	14.147.748	(1.104.195.437)
Số dư cuối kỳ	808.831.781	320.263.704	1.129.095.485
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	10.239.836.163	251.350.009	10.491.186.172
Số dư cuối kỳ	650.895.301	258.816.230	909.711.531

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 577 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 577 triệu đồng) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, không có tài sản cố định vô hình (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 7.843 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

- (*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của quyền sử dụng đất đối với đất thuê dài hạn sau ngày 1 tháng 7 năm 2004, ngày có hiệu lực thi hành của Luật đất đai năm 2003, mà tiền thuê đất đã được trả trước toàn bộ. Các tài sản này được phân loại lại là chi phí trả trước trong chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 14).

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	250.275.077.058	54.501.729.878
Tăng do mua lại công ty con	-	48.889.868
Tăng trong kỳ	99.693.598.417	251.403.860.529
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(336.340.457.815)	(55.131.206.268)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(548.196.949)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	13.628.217.660	250.275.077.058

Trong kỳ, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang tương đương 2.670 triệu VND (2013: 964 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, không có xây dựng cơ bản dở dang (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 6,2 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2014			31/12/2013		
	Số lượng	% vốn chủ sở hữu	% quyền biểu quyết	Số lượng	% vốn chủ sở hữu	% quyền biểu quyết
				VND		VND
Đầu tư vốn dài hạn vào các công ty liên kết:						
▪ Công ty Cổ phần Mía đường 333	3.508.981	42,1%	42,1%	99.502.325.450	42,1%	80.156.233.173
▪ Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai	8.800.000	22,56%	22,56%	139.351.056.412	22,98%	112.538.806.866
				<u>238.853.381.862</u>		<u>192.695.040.039</u>
Đầu tư dài hạn khác vào cổ phiếu:						
▪ Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	8.050.000	13,39%	13,39%	84.000.000.000	13,39%	84.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tin	1.500.000	10%	10%	19.500.000.000	10%	19.500.000.000
▪ Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	116.648	0,2%	0,2%	1.401.234.798	0,2%	1.401.234.798
▪ Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công	420.000	14%	14%	4.200.000.000	14%	4.200.000.000
				<u>109.101.234.798</u>		<u>109.101.234.798</u>
				<u>347.954.616.660</u>		<u>301.796.274.837</u>

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Biến động của các khoản đầu tư vào các công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	192.695.040.039	183.009.350.227
Các khoản đầu tư mới trong kỳ	24.000.000.000	26.339.109.944
Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết	23.997.242.973	21.997.767.336
Chuyển sang đầu tư vào công ty con	-	(25.562.607.969)
Phân bổ lợi thế thương mại	(1.838.901.150)	(3.677.802.299)
Cổ tức đã nhận	-	(9.410.777.200)
Số dư cuối kỳ	238.853.381.862	192.695.040.039

Biến động của các khoản đầu tư dài hạn khác trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	109.101.234.798	104.317.994.798
Các khoản đầu tư mới trong kỳ	-	4.783.240.000
Số dư cuối kỳ	109.101.234.798	109.101.234.798

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, các khoản đầu tư tài chính dài hạn với giá trị là 263 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 165 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	-	5.953.001.107	5.953.001.107
Tăng trong kỳ	-	450.764.981	450.764.981
Chuyển từ/(sang) tài sản cố định vô hình (*)	9.501.680.654	(22.232.186)	9.479.448.468
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(847.747.818)	(847.747.818)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(19.000.000)	(19.000.000)
Phân bổ trong kỳ	(112.008.554)	(1.148.895.207)	(1.260.903.761)
Số dư cuối kỳ	9.389.672.100	4.365.890.877	13.755.562.977

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ 7.689 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

- (*) Việc phân loại lại từ tài sản cố định phản ánh giá trị còn lại của quyền sử dụng đất đối với đất thuê dài hạn sau ngày 1 tháng 7 năm 2004. Các tài sản này được phân loại lại từ tài sản cố định vô hình trong kỳ (Thuyết minh 11).

15. Lợi thế thương mại

	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	7.956.128.816
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	2.917.247.232
Khấu hao trong kỳ	795.612.882
Số dư cuối kỳ	3.712.860.114
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	5.038.881.584
Số dư cuối kỳ	4.243.268.702

16. Vay ngắn hạn

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn	733.795.321.740	592.501.066.511
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 22)	38.877.500.296	32.839.065.296
	772.672.822.036	625.340.131.807

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Tiền tệ	Lãi suất năm	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam (a)	VND	6%	38.500.000.000	45.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (b)	VND	6,5% - 6,7%	98.977.820.885	11.950.000.000
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam (c)	VND	6,3%	36.600.000.000	14.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông (d)	VND	7,5%	30.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội (e)	VND	6,5%	77.557.681.782	18.195.123.278
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (f)	VND	6,4 - 6,8%	132.552.257.824	133.234.657.033
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (g)	VND	4,5%	20.000.000.000	30.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Chinatrust (h)	VND	6,5%	21.000.000.000	21.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Khánh Hòa (i)	VND	5% - 5,5%	199.707.561.249	235.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Ninh Thuận (j)	VND	8,2%	21.000.000.000	34.121.286.200
Ngân hàng TMCP Á Châu (k)	VND	6,5%	15.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đại Dương (l)	VND	6,8%	10.900.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – chi nhánh Ninh Thuận (m)	VND	7,5%	12.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông – chi nhánh Đắk Lắk (n)	VND	7,5%	20.000.000.000	-
			733.795.321.740	592.501.066.511

- (a) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 3.250.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, một bên liên quan, với giá trị đảm bảo tối thiểu là 6.000.000 Đô la Mỹ (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 3.250.000 Đô la Mỹ), hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 53 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: không) và các khoản phải thu của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 85 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: không).
- (b) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, một bên liên quan.
- (c) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 2.500.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 53 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 10 tỷ VND) và các khoản phải thu của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 21 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: không).

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

- (d) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 50 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng khoản trả trước cho nông dân trồng mía với giá trị ghi sổ là 72 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 167.783 triệu VND).
- (e) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai với giá trị là 48 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 35 tỷ VND).
- (f) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 150 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận chuyển với giá trị còn lại là 5.996 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 8.743 triệu VND), cổ phiếu của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai với giá trị là 84 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 70 tỷ VND) và tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với giá trị là 2 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: không).
- (g) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 200 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội với giá trị là 20 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 40 tỷ VND).
- (h) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 1.500.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 16 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 22 tỷ VND).
- (i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 235 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang với giá trị là 21 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 21 tỷ VND), Công ty Cổ phần Mía đường 333 với giá trị là 43 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 39 tỷ VND) và hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 136 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: không).
- (j) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 52 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà cửa và thiết bị với giá trị còn lại là 2,2 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 2 tỷ VND).
- (k) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 113 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai với giá trị là 31 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: không). Tập đoàn đã thanh toán hết khoản vay này trong tháng 8 năm 2014.
- (l) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa với giá trị là 1,4 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: không), cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung với giá trị là 15 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: không) và Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín với giá trị là 20 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: không).
- (m) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 12 tỷ VND. Khoản vay này không được đảm bảo.
- (n) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 20 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 8,9 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: không) và các khoản phải thu của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 1,1 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: không).

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

17. Phải trả người bán

Bao gồm trong các khoản phải trả người bán có các khoản phải trả cho các bên liên quan như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải trả các bên liên quan	308.906.925	125.008.700

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

18. Thuế phải nộp Nhà nước

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	5.033.097.792	4.816.979
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.704.627.826	6.869.383.491
Thuế thu nhập cá nhân	86.801.598	667.304.223
Các loại thuế khác	206.096.520	471.365.380
	28.030.623.736	8.012.870.073

19. Chi phí phải trả

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí bổ sung cuối vụ	19.741.466.580	-
Chi phí lãi vay	6.458.846.802	852.598.133
Chi phí vận chuyển	1.771.616.818	-
Phí tư vấn	1.053.725.416	230.000.000
Chi phí khác	2.348.956.109	59.569.938
	31.374.611.725	1.142.168.071

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****20. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Khoản ứng trước từ Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa (*)	20.000.000.000	-
Phải trả cho nông dân trồng mía	4.329.806.688	-
Cổ tức phải trả	33.222.996.800	2.847.996.800
Tiền đặt cọc đã nhận	294.200.000	899.800.000
Phải trả khác	1.753.367.641	1.522.063.928
	<hr/>	<hr/>
	59.600.371.129	5.269.860.728

- (*) Tập đoàn nhận ứng trước từ Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa theo chính sách bình ổn giá thị trường trong dịp Tết Nguyên đán năm 2014. Khoản ứng trước này chịu lãi suất năm 1,8% trong kỳ và phải hoàn trả trong vòng 6 tháng tính từ ngày nhận khoản ứng trước. Tập đoàn đã hoàn trả khoản ứng trước này trong tháng 7 năm 2014.

21. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	Từ 1/1/2014	Từ 1/1/2013
	đến 30/6/2014	đến 31/12/2013
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	8.950.155.593	11.871.716.280
Tăng do mua lại công ty con	-	1.798.522.042
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ	6.545.222.206	9.855.425.156
Tăng khác	-	28.400.000
Hoàn nhập trong kỳ	(815.089.079)	(3.356.943.179)
Sử dụng trong kỳ	(6.346.941.218)	(11.246.964.706)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	8.333.347.502	8.950.155.593

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

22. Vay và nợ dài hạn

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay dài hạn	169.676.860.543	173.967.212.796
Nợ thuê tài chính	53.163.260.002	48.768.390.295
	222.840.120.545	222.735.603.091
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 16)	(38.877.500.296)	(32.839.065.296)
Hoàn trả sau 12 tháng	183.962.620.249	189.896.537.795

Điều kiện và điều khoản của các khoản vay và nợ dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Tiền tệ	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay từ Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam					
Khoản vay 1 (a)	VND	9%	2018	130.070.645.807	34.960.000.000
Khoản vay 2 (a)	VND	10%	2018	-	87.119.391.660
Khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam					
Khoản vay 1 (b)	VND	11,5%	2017	6.414.996.136	18.907.496.136
Khoản vay 2 (b)	VND	10,5%	2018	26.162.500.000	26.162.500.000
Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam					
Khoản vay 1 (c)	VND	11,1%	2018	7.028.718.600	6.817.825.000
Nợ phải trả Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu					
Khoản vay 1 (d)	VND	11,4% - 12%	2020	53.163.260.002	48.768.390.295
				222.840.120.545	222.735.603.091

- (a) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 12.000.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất (lô số 01) tại thị xã Ninh Hòa được ghi nhận trong tài khoản chi phí trả trước dài hạn với giá trị là 7.689 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 7.843 triệu VND) và công trình trên đất, được ghi nhận trong tài khoản tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 5.689 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 5.909 triệu VND). Khoản vay này cũng được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị với giá trị còn lại là 301 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 216 tỷ VND) và hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 85 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: không).
- (b) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 52.804 triệu VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị với giá trị còn lại là 77.302 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 81.040 triệu VND) và tiền gửi ngân hàng với giá trị ghi sổ là 929 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: không).

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

- (c) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 10 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận chuyển với giá trị còn lại là 1,6 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1,8 tỷ VND) và tài sản hình thành từ vốn vay của dự án đầu tư hoàn thiện và ổn định công suất ép 1.400 tấn mía cây/ngày, được ghi nhận trong tài khoản tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 5,8 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 6,2 tỷ VND).
- (d) Khoản nợ này có hạn mức tối đa là 2.734.000 Đô la Mỹ.

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	30/6/2014 VND		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Tiền lãi thuê	Nợ gốc
Trong vòng một năm	13.608.468.968	5.236.302.038	8.372.166.930
Trong vòng hai đến năm năm	45.360.458.565	11.871.790.845	33.488.667.720
Sau năm năm	12.047.490.068	745.064.716	11.302.425.352
	71.016.417.601	17.853.157.599	53.163.260.002

	31/12/2013 VND		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Tiền lãi thuê	Nợ gốc
Trong vòng một năm	11.470.969.391	5.093.564.506	6.377.404.885
Trong vòng hai đến năm năm	43.461.501.596	13.450.184.492	30.011.317.104
Sau năm năm	13.897.390.631	1.517.722.325	12.379.668.306
	68.829.861.618	20.061.471.323	48.768.390.295

23. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế thu nhập hoãn lại:		
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	7.083.698.199	5.509.657.045

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	303.750.000.000	12.334.430.000	101.382.082.596	11.680.122.435	(1.616.929.007)	117.078.982.100	544.608.688.124
Phát hành cổ phiếu	303.750.000.000	(201.880.000)	-	-	-	-	303.548.120.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	91.436.021.748	91.436.021.748
Hoàn nhập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	3.356.943.179	3.356.943.179
Phân bổ vào các quỹ	-	-	7.838.445.399	3.919.222.699	-	(11.757.668.098)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(9.855.425.156)	(9.855.425.156)
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	-	-	(45.562.500.000)	(45.562.500.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	607.500.000.000	12.132.550.000	109.220.527.995	15.599.345.134	(1.616.929.007)	144.696.353.773	887.531.847.895

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	607.500.000.000	12.132.550.000	109.220.527.995	15.599.345.134	(1.616.929.007)	144.696.353.773	887.531.847.895
Tăng khác	-	33.000.000	-	-	-	-	33.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	108.914.243.719	108.914.243.719
Hoàn nhập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	815.089.079	815.089.079
Phân bổ vào các quỹ	-	-	2.772.611.103	2.772.611.103	-	(5.545.222.206)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.545.222.206)	(6.545.222.206)
Phân bổ vào quỹ trách nhiệm xã hội	-	-	-	-	-	(1.109.044.441)	(1.109.044.441)
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	-	-	(30.375.000.000)	(30.375.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	607.500.000.000	12.165.550.000	111.993.139.098	18.371.956.237	(1.616.929.007)	210.851.197.718	959.264.914.046

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2014		31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	60.750.000	607.500.000.000	60.750.000	607.500.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	60.750.000	607.500.000.000	60.750.000	607.500.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014		Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	60.750.000	607.500.000.000	30.375.000	303.750.000.000
Cổ phiếu phát hành trong kỳ	-	-	30.375.000	303.750.000.000
Số dư cuối kỳ	60.750.000	607.500.000.000	60.750.000	607.500.000.000

Biến động thặng dư vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	12.132.550.000	12.334.430.000
Cổ phiếu phát hành trong kỳ	-	(201.880.000)
Tăng khác	33.000.000	-
Số dư cuối kỳ	12.165.550.000	12.132.550.000

26. Cổ tức

Cuộc họp của Hội đồng quản trị của Tập đoàn vào ngày 27 tháng 6 năm 2014 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 30.375 triệu VND (2013; 45.563 triệu VND).

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

27. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	29.925.235.720	4.299.609.383
Mua lại công ty con	-	26.190.119.075
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong kỳ	16.275.356.708	(18.607.398)
Ảnh hưởng của việc suy giảm lợi ích cổ đông thiểu số	-	(545.885.340)
Số dư cuối kỳ	46.200.592.428	29.925.235.720

28. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Tổng doanh thu		
▪ Đường	716.629.943.954	853.692.987.824
▪ Mật	68.483.306.174	39.692.044.461
▪ Mía giống	1.182.389.705	3.613.355.000
▪ Điện	25.682.811.459	2.403.826.360
▪ Bùn, tro, bã	10.154.739.866	9.207.336.989
▪ Phân bón	75.364.234.509	97.113.316.843
▪ Thuốc trừ sâu	5.432.762.136	6.191.299.272
▪ Khác	3.591.295.757	3.958.241.150
	906.521.483.560	1.015.872.407.899
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	-	(845.861.355)
	-	(845.861.355)
Doanh thu thuần	906.521.483.560	1.015.026.546.544

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

29. Giá vốn hàng bán

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Giá vốn hàng bán		
▪ Đường	543.377.324.558	700.158.945.273
▪ Mật	68.483.306.174	43.164.106.516
▪ Mía giống	2.354.097.252	4.258.416.500
▪ Điện	18.265.793.818	2.403.826.360
▪ Bùn, tro, bã	7.191.607.294	7.159.819.516
▪ Phân bón	72.555.758.611	93.053.039.985
▪ Thuốc trừ sâu	4.972.601.207	5.739.988.518
▪ Khác	3.561.526.779	2.704.257.515
	720.762.015.693	858.642.400.183

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Lãi từ khoản trả trước cho nông dân để trồng mía	3.176.814.411	11.469.184.865
Thu nhập cổ tức	-	7.346.156.197
Lãi từ tiền gửi ngân hàng	2.623.062.659	3.462.873.999
Lãi từ các khoản cho các bên liên quan vay	2.126.416.666	-
Lãi từ các khoản cho các công ty khác vay	9.462.104.302	943.888.889
Lãi do thanh toán chậm	5.972.971.373	1.400.675.401
Lãi từ khoản ứng trước để mua hàng hóa	907.309.499	-
Lãi từ thu nhập cổ tức	254.050.223	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	9.388.683	1.253.384.415
	24.532.117.816	25.876.163.766

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

31. Chi phí tài chính

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Chi phí lãi vay	34.847.082.756	32.161.717.667
Chi phí tài chính khác	485.137.768	1.133.992.189
	<hr/>	<hr/>
	35.332.220.524	33.295.709.856

32. Thu nhập khác

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Thu nhập từ cho thuê nhà	-	1.065.000.000
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	2.500.000.000	38.143.967.045
Thu nhập từ thanh lý vật tư, phế liệu	55.170.000	1.904.601.740
Thu nhập từ bán mía giống	382.895.000	599.416.638
Tiền bồi thường nhận được từ các đơn vị khác	-	1.775.000.000
Thu nhập khác	1.385.875.575	1.975.603.219
	<hr/>	<hr/>
	4.323.940.575	45.463.588.642

33. Chi phí khác

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Chi phí khấu hao nhà cho thuê	-	784.009.615
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	3.007.950.890	32.785.403.560
Giá vốn của vật tư thanh lý	119.406.484	1.003.157.498
Giá vốn của mía giống đã bán	223.232.039	751.082.702
Phạt vi phạm hành chính	-	49.150.079
Chi phí khác	358.172.162	740.612.612
	<hr/>	<hr/>
	3.708.761.575	36.113.416.066

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành Kỳ hiện hành	26.531.711.565	21.357.784.387
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại Phát sinh các chênh lệch tạm thời	1.574.041.154	2.279.978.218
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	28.105.752.719	23.637.762.605

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	153.295.353.146	115.055.176.955
Thuế tính theo thuế suất của Tập đoàn	33.724.977.692	28.763.794.239
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.323.745.940	328.964.501
Thu nhập không chịu thuế	(7.942.970.913)	(5.454.996.135)
	28.105.752.719	23.637.762.605

(c) Thuế suất áp dụng

(i) Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa, Công ty Cổ phần Bò Giồng Miền Trung và Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa, Công ty Cổ phần Bò Giồng Miền Trung và Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa

Theo các quy định hiện hành về thuế, Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa (“Nhiệt điện Ninh Hòa”) có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% lợi nhuận chịu thuế cho giai đoạn hoạt động của Công ty tới năm 2028 và 22% cho các năm tiếp theo. Ngoài ra, Nhiệt điện Ninh Hòa được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 22%.

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 108.914.243.719 VND (2013: 91.436.021.748 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 60.750.000 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 31.789.726), được tính như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	108.914.243.719	91.436.021.748
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	108.914.243.719	91.436.021.748

(b) Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân gia quyền

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Số cổ phiếu	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 Số cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	60.750.000	30.375.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành vào tháng 12 năm 2013	-	1.414.726
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	60.750.000	31.789.726

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

36. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro tài chính mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường

Phần này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro trong các rủi ro trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để hạch toán và quản lý rủi ro.

Ban Kiểm soát của Tập đoàn chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản trả trước cho nông dân để trồng mía.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa của các tài sản tài chính này. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền (ii)	22.132.219.605	322.178.089.824
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào tiền gửi có kỳ hạn (ii)	22.000.000.000	20.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào các khoản cho các công ty khác vay (iii)	122.000.000.000	142.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác (iv)	392.939.827.542	17.875.418.149
Trả trước cho người bán (v)	155.640.543.078	204.726.192.070
	714.712.590.225	706.779.700.043

(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào tiền gửi có kỳ hạn

Tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào tiền gửi có kỳ hạn của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(iii) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào các khoản cho các công ty khác vay

Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn phân tích riêng biệt độ tin cậy của khả năng trả nợ. Việc trích lập dự phòng cho giảm giá trị được thực hiện khi Ban Tổng Giám đốc thấy cần thiết và theo yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tập đoàn tin rằng, không có khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn nào cần thiết phải lập cho các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn này.

(iv) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hơn nữa, khách hàng được yêu cầu phải ứng tiền trước khi thực hiện yêu cầu mua hàng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 7 ngày hoặc 10 ngày hoặc 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 7 ngày hoặc 10 ngày hoặc 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua hàng trả chậm.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các năm trước, Tập đoàn tin rằng, ngoài dự phòng đã được lập, không có khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào khác cần thiết phải lập cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2014. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong hạn	43.997.125.882	17.869.321.963
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	122.513.776.378	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	226.422.829.096	-
Quá hạn trên 180 ngày	6.096.186	6.096.186
	<hr/>	<hr/>
	392.939.827.542	17.875.418.149

(v) Trả trước cho người bán

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến khoản trả trước cho nông dân trồng mía chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng người nông dân. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đã thiết lập một chính sách trả trước mà theo đó mỗi yêu cầu hỗ trợ tài chính từ người nông dân được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng thu hồi trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện đầu tư và thu hồi vốn chuẩn cho người nông dân đó. Các khoản trả trước cho mỗi người bán của Công ty có giá trị lớn hơn 300 triệu được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của người bán. Hơn nữa, người nông dân được yêu cầu phải bán tất cả mía của họ cho Tập đoàn và khoản này sẽ được cần trừ vào khoản trả trước tương ứng. Khoản trả trước được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa nông dân và Tập đoàn. Người nông dân có số dư trả trước quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục nhận khoản đầu tư mới.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các năm trước, Tập đoàn tin rằng, ngoài dự phòng đã được lập, không có khoản dự phòng nào khác cần thiết phải lập cho các khoản trả trước chưa quyết toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản trả trước như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong hạn	153.996.586.454	202.203.705.083
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	545.310.245	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	84.497.500	-
Quá hạn trên 180 ngày	1.014.148.879	2.522.486.987
	<hr/>	<hr/>
	155.640.543.078	204.726.192.070

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Biến động trong kỳ của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	1.422.924.336	326.198.329
Tăng do mua lại công ty con	-	1.141.538.734
Tăng dự phòng trong kỳ	44.290.758	152.104.299
Hoàn nhập	-	(196.917.026)
Số dư cuối kỳ	1.467.215.094	1.422.924.336

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Vay và nợ ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	733.795.321.740	744.732.155.101	744.732.155.101	-	-	-
Phải trả người bán	85.897.863.210	85.897.863.210	85.897.863.210	-	-	-
Phải trả người lao động	11.206.535.630	11.206.535.630	11.206.535.630	-	-	-
Chi phí phải trả	31.374.611.725	31.374.611.725	31.374.611.725	-	-	-
Phải trả khác	59.600.371.129	59.600.371.129	59.600.371.129	-	-	-
Vay và nợ dài hạn						
Vay và nợ dài hạn	222.840.120.545	279.127.627.956	66.671.538.360	65.582.890.867	134.825.708.661	12.047.490.068
	1.144.714.823.979	1.211.939.164.751	999.483.075.155	65.582.890.867	134.825.708.661	12.047.490.068

Công ty Cổ phần Đường Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Giá trị ghi số VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Vay và nợ ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	592.501.066.511	601.786.682.684	601.786.682.684	-	-	-
Phải trả người bán	84.390.146.885	84.390.146.885	84.390.146.885	-	-	-
Phải trả người lao động	10.587.928.292	10.587.928.292	10.587.928.292	-	-	-
Chi phí phải trả	1.142.168.071	1.142.168.071	1.142.168.071	-	-	-
Phải trả khác	5.269.860.728	5.269.860.728	5.269.860.728	-	-	-
Vay dài hạn						
Vay dài hạn	222.735.603.091	311.746.127.839	55.071.748.359	45.716.373.822	152.662.754.014	58.295.251.644
	916.626.773.578	1.014.922.914.499	758.248.535.019	45.716.373.822	152.662.754.014	58.295.251.644

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì các hạn mức tín dụng với các ngân hàng.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro hối đoái

Tập đoàn không có rủi ro hối đoái trọng yếu do chủ yếu các giao dịch của Tập đoàn được thực hiện bằng VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, 637 tỷ VND nợ phải trả của Tập đoàn chịu lãi suất thả nổi. Tập đoàn không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản tương đương tiền	-	305.100.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	144.000.000.000	162.000.000.000
Trả trước cho người bán	155.640.543.078	205.007.577.672
Vay ngắn hạn	-	(80.000.000.000)
Phải trả khác	(20.000.000.000)	-
	<hr/>	<hr/>
	279.640.543.078	592.107.577.672
	<hr/>	<hr/>
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng	22.132.219.605	17.078.089.824
Phải thu khách hàng	297.242.853.270	-
Vay ngắn hạn	(733.795.321.740)	(512.501.066.511)
Vay và nợ dài hạn	(183.962.620.249)	(189.896.537.795)
Vay dài hạn đến hạn trả	(38.877.500.296)	(32.839.065.296)
	<hr/>	<hr/>
	(637.260.369.410)	(718.158.579.778)
	<hr/>	<hr/>

Việc tăng 100 điểm cơ bản sẽ làm giảm 4,97 tỷ VND lợi nhuận thuần của Tập đoàn (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 5,99 tỷ VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:		
- Tiền và các khoản tương đương tiền	22.460.781.583	322.520.290.803
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	144.000.000.000	162.000.000.000
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	392.939.827.542	17.875.418.149
- Trả trước cho người bán	155.640.543.078	204.726.192.070
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:		
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	109.101.234.798	109.101.234.798
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:		
- Phải trả người bán và phải trả khác	145.498.234.339	89.660.007.613
- Các khoản nợ ngắn hạn khác	42.581.147.355	11.730.096.363
- Vay ngắn hạn	733.795.321.740	592.501.066.511
- Vay và nợ dài hạn	222.840.120.545	222.735.603.091

Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác, trả trước cho người bán, phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay ngắn hạn và các khoản nợ ngắn hạn khác:

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính này xấp xỉ bằng giá trị hợp lý của chúng do thời gian đáo hạn ngắn hạn của các công cụ này.

Vay và nợ dài hạn

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Dầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu

	Thuyết minh	30/6/2014	
		Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	(i)	1.401.234.798	1.399.776.000
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	(ii)	84.000.000.000	
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	(ii)	19.500.000.000	
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công	(ii)	4.200.000.000	
		109.101.234.798	1.399.776.000

- (i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa được xác định theo giá tham chiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.
- (ii) Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai, Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín và Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công chưa niêm yết hoặc chưa được giao dịch trên thị trường. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này nhằm mục đích trình bày trên báo cáo tài chính theo yêu cầu của Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường năng động cho các khoản đầu tư này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường năng động. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

37. Các giao dịch đầu tư và tài chính phi tiền tệ

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Cổ tức công bố nhưng chưa thanh toán	30.375.000.000	-
Cổ tức công bố nhưng chưa nhận được	-	4.210.777.200
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	14.770.694.808	-
Tăng tài sản cố định chuyển từ tài khoản trả trước cho người bán	30.366.707.350	-
Thanh lý tài sản cố định nhưng chưa nhận được	1.828.750.000	-

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Cổ đông		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	396.691.147.091	323.599.171.160
Mua tài sản cố định	151.191.000	1.082.312.967
Thanh lý tài sản cố định	1.900.000.000	-
Nhận tiền ứng trước mua hàng hóa	-	32.000.000.000
Vay ngắn hạn	-	12.000.000.000
Trả nợ vay ngắn hạn	-	12.000.000.000
Chi phí lãi vay	-	26.666.667
Chi phí lãi vay từ tạm ứng mua hàng hóa	-	717.692.455
Phí dịch vụ tư vấn	497.000.000	956.426.910
Tạm ứng cho dịch vụ tư vấn	-	441.884.000
Cố tức đã trả	-	8.851.500.000
Lãi do thanh toán chậm	5.904.546.373	1.400.675.401
Cho vay ngắn hạn	179.113.187.111	142.000.000.000
Thu nhập lãi vay	2.126.416.666	1.021.263.890
Phí dịch vụ khác	297.434.114	-
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Mía đường 333		
Thu nhập cổ tức	-	4.210.777.200
Lãi ứng tiền mua hàng hóa	-	209.135.267
Lãi từ cố tức	254.050.223	-
Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai		
Thu nhập từ cố tức	-	5.200.000.000
Góp vốn cổ phần	-	24.000.000.000
Thanh lý tài sản cố định hữu hình, nguyên vật liệu	600.000.000	600.000.000
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc		
Tiền lương và thù lao	7.137.815.080	8.359.520.866

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

39. Cam kết vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	60.785.973.020	104.145.212.545

40. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	810.392.041.279	757.762.029.408
Chi phí nhân công	45.292.177.679	50.920.784.545
Chi phí khấu hao và phân bổ	35.549.040.948	41.702.765.863
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.530.852.003	40.166.849.232
Chi phí khác	21.276.390.957	24.985.419.738


Ngày 17 tháng 9 năm 2014

Người lập biểu



Nguyễn Thị Như Hiếu

Kế toán trưởng



Ngô Thị Thu Trang

Giám đốc tài chính



Võ Thị Thùy Tiên

Tổng Giám đốc



Trần Kim Dũng